

# TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

## QUYỂN 20

### TRONG PHẦN 5 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị)

1/ Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn Lăng ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Linh Trí).

2/ Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Thành, Tĩnh An).

3/ Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu, thời Tiền Đường.

4/ Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Bản trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu, thời Tiền Đường.

7/ Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu, thời Tiền Đường.

8/ Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn ở Cơ Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tinh Châu, thời Tiền Đường (Đạo Phủ).

10/ Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mậu Thắng ở Mật Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Dung).

11/ Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu, thời Tiền Đường.

13/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới thuộc Bồ Châu, thời Tiền Đường.

**1- Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn Lăng ở Tương Châu:**

Thích Đạo Ngang, chẳng rõ Sư họ gì, người ở quận Ngụy. Sư dấn tín nêu Tông, phong cách trong sạch, có hoài bão tiết tháo khác thường, cao chuộng làm khuôn phép cho đời. Tuệ giải sớm thành, nhưng gần như chẳng khai ngộ.

Mới đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Linh Dụ xin xuất gia. Ngài Linh Dụ là người thần thức cứng rắn, khí độ cao vời. Xét tâm lượng lường khả năng, truyền trao minh huấn. Sư được tắm gội thanh hóa, yêu kính gần gũi, trải qua nhiều năm nóng lạnh, Sư được ngang gót bước vào hàng ngũ. Sư thường ở chùa núi Hàn Lăng, đào luyện viên dung Sơ giáo, làm giềng mối Huyền Tông, như mặt trời chiếu đỉnh núi cao gồm thấu tất cả. Ngài Linh Dụ giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận. Sư xét hợp rộng lớn, tài biện rộng như trời giáng mưa, gõ hỏi liên tục, ý tứ thấu triệt lý thường. Mà luôn trầm lặng tiếng tăm dấu vết, luôn ẩn tàng hành dụng, công phu sâu lắng, mô phỏng theo những bậc tài giỏi ngày trước. Ngoài việc giáo hóa chúng sinh, chí Sư kết nguyện sinh về Tây Phương, thường cầu thác sinh An dưỡng. Trải qua thời gian tiếp nối thành việc, Đạo tỏ khắp Chương Hà, mọi người được đơm nhuần ân trạch.

Sau, Sư tự dự biết thời kỳ cuối cùng của tánh mạng nên báo với những người có duyên là đến đầu tháng tám sẽ từ biệt. Khi đó chưa ai lường đến lời nói ấy, Sư vẫn dạy răn đồ Chúng. Sư bước lên tòa cao, thân tướng có vẻ kỳ lạ, lò hương phát ra mùi thơm lạ, bèn dẫn dắt bốn chúng cho thọ giới Bồ-rát, văn từ nghĩa lý thiết tha cần yếu, khiến người nghe phải lạnh lòng. Khi ấy, cả bầy chúng vây quanh, nhận hưởng Di Vị. Ngài đưa mắt trông nhìn lên cao, đến khi thấy thiên chúng loạn xạ, đàn sáo rất nhiều vang vọng giữa hư không. Trong đó, có âm vang trong rõ từ xa vọng lại báo với chúng rằng “Âm nhạc từ cõi trời Đâu-suất-đà xuống đón rước!” Sư bảo: “Cõi trời là cội gốc sinh tử, từ trước đến giờ ta chẳng nguyện sinh về cõi ấy, thường có tâm cầu về Tịnh Độ, vì sao lại thế này? Thật chẳng thể theo tà!” Sư nói xong, liền thấy nhạc trời vọt thẳng lên cao, chỉ chốc lát bật hẳn. Và liền thấy hương hoa kỹ nhạc từ Tây phương sung đầy như mây cuộn bay đến, bay vờn trên đỉnh, cả chúng thấy đều trông thấy. Sư bảo: “Đại chúng ở lại yên ổn, nay linh tướng từ phương Tây đến đón rước, việc phải nguyện đến!” Nói xong,

mọi người chỉ thấy lò hương rơi khỏi tay Sư, bèn ngồi thẳng trên toà cao mà thị tịch trong chùa Báo Ứng, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường.

Các hàng đạo tục khóc thương, đến xem đông như núi, khi nâng nhục thân Sư sắp tẩn liệm, dưới chân Sư phát ra ánh sáng. Văn tự hiện rõ cùng khắp trong phòng, v.v... vậy. Nếu chẳng phải Đạo hợp Linh Chương, hạnh phù hợp bậc Thánh thì làm sao có thể hiện những điềm ứng tốt lành ấy? Khi đó, khắp xa gần mọi người khen ngợi, hơi khí kết thành bóng râm. Nhục thân Sư ngồi kiết già ngay thẳng, các đường gân trong lòng bàn tay ngưỡng hiện rõ. Mọi người tham dự trông thấy tướng tích, vừa buồn vừa vui. Lại đón rước đến núi Hàn Lăng, đục đá làm huyệt, tôn trí tại đó, mãi đến mùa Xuân năm sau vẫn không thối rửa, an nhiên như lúc đầu.

Từ khi tiếng tăm đạo hạnh Sư vang khắp Đông hạ, Sư luôn từ nhuần ôn nhu, đức sáng tỏa soi. Sư có nuôi dưỡng một con chó điếc cả hai tai, mỗi ngày tự giảm bớt thức ăn để thí cho nó, sau khi Sư tịch thì không còn thấy nó đâu nữa. Lại nữa, ban đêm Sư lên tòa giảng pháp. Bấy giờ, gặp lúc tăm tối, lại không có đèn đuốc. Sư xòe tay đưa lên cao chỉ bảo thì tay Sư phát ra ánh sáng khác lạ, soi chiếu rõ khắp phòng. Đại chúng trông thấy điềm ấy lấy làm lạ, chẳng biết từ đâu đến. Sư bảo: “Thứ ánh sáng này thường có trong tay, đâu có gì lạ ư?” Sư có được nghiệp lành lớn sâu, u minh đều cảm ứng, thật không thể lường biết được. Cho nên Sư là người có đạo đức cao quý, vượt cao hơn đời.

Bấy giờ, tại Tương Châu lại có Sa-môn Linh Trí. Ngài cũng là đệ tử ngài Linh Dự. Cơ Nghiệp xán lạn, nổi tiếng ở đương thời. Thường giảng thay cho ngài Linh Dự. Ngài biện xướng sáng thực, thích đáng tâm tình hoài vọng. Thêm vì rất khéo thông hiểu kinh luận, thường lên ngôi ở chỗ đầu. Văn Nghĩa rộng xa, khéo suy nghĩ như sương bữa, cất nạn thưa hỏi ý chỉ bén nhọn, rảo bước khắp Chương nghiệp. Nên khiến mọi người khắp bốn biển trông thấy vui mừng, đều thuận theo Thanh giáo.

Sau, Sư chợt tự cảm thấy bến trí khó cùng cực. Pháp hành phải nương tựa, nhọc bầy thuyền bè, phải nghỉ gác mái chèo. Sư bèn lắng tuyệt chương số, dốc tu thiền nghiệp, đo lường tắc bóng mà gìn giữ tâm, có tâm rỗng rang là việc thường. Đi khát thực, thực hành hạnh Đầu-đà, để lắng trong linh sáng, làm khuôn phép cho mọi vật chúng sinh, ánh sáng đức hạnh tỏa sáng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Nghiệp Hạ, thọ bảy mươi lăm tuổi. Về

sau mọi người học hạnh kiệm ước từ ngài, nường tựa bóng trần ấy rất đông.

**2. Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:**

Thích Đạo Triết, họ Đường, người ở xứ Lâm Ấp thuộc quận Tề. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp Sư Minh Cập, học các Kinh Thập Địa, Địa Trì, rất được các bạn đồng học kính trọng.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chỉ vâng thờ hạnh môn. Lại nường tựa Luật sư Hy ở Quận Ngụy học Luật Tứ Phần. Luật sư Hy cũng là bậc kim chỉ nam, một thời trợn mắt cau mày với cả năm chúng. Sư ở đó thọ giáo rộng hiểu, trải qua gần sáu năm, tìm hiểu kinh tông, nghiên cứu văn thể ấy. Nhưng vì giới tuệ tuy Sư thông hiểu nhưng chưa có tâm về Định nghiệp. Tại Hà Nội, có Thiền sư Tuân là người mà mọi người suy tôn là chẳng thể lường biết, là bậc Tông tượng đứng đầu ở đương thời. Sư vui mừng đến nường tựa, rất mực chí thành, nên được Ngài tận tình chỉ dạy. Khi vừa tỏ ngộ Chân Đế thì hoát nhiên Đại thông. Bạn thiền cùng mừng tạ, giải ngộ lên thất.

Nghe ở Kinh Ấp, Đạo pháp đang hưng thịnh, Sư bèn tiến bước theo đó. Mới đầu, Sư đến trụ chùa Nhân Giác. Tại đó có Sa-môn Đàm thiên được khen là biết người. Sư bèn đầy đủ lễ thầy trò, đến học Nhiếp Luận, nghiên cứu vị chí lý, hiểu ngộ văn luận ấy. Nêu phỏng có phương thức, đâu chỉ tiếng dạy răn. Bèn chán lìa việc người đời, trầm lặng đến trụ tại Lạc Cốc ở núi Chung Nam. Ở núi lương thực khó tiếp nhận, trao nhận phải tỉnh lặng. Đã thiếu kẻ để sai sứ nên Sư để bụng đói qua nhiều đêm. Vui mừng với vị pháp Không ấy, có Cư sĩ Trương Huy, theo sự nhiều năm, vừa cầu hỏi điều lợi ích vừa cung phụng kính dâng. Vì có việc tạm xuống núi, bỗng gặp lúc tuyết phủ, đường sá đã ngăn bít, bảy ngày mới đến. Sư vì tuy đói trước thức ăn mà không người trao, giữ cái chết chánh niệm. Khi Trương Huy vạch tuyết tới am, búng ngón tay thức tỉnh, Sư mới xuất Định. Sư thật cẩn trọng gìn giữ đại loại như thế.

Chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô vì Sư rất có tiếng tăm đạo hạnh nên được thỉnh đến trụ ở Hoa Quán. Mới đầu, Sư theo ý chúng, bèn ở nơi Thất nhỏ. Mỗi ngày ăn một bữa và thường thực hành khát thực, chẳng nhận lợi dưỡng của chúng tăng, chúng càng kính trọng. Dân chúng ở huyện Chu Ốc xưa kia khi Sư còn ở Lạc Cốc rất nhiều người kính tin bèn cùng nhau dẫn đến đón rước. Sư bèn đến đó, xây dựng thiền vũ, lập ra đồ chúng, dạy răn đạo nghiệp. Các hàng Đạo bạn cũng

như người thế tục ở núi cùng nhau theo đến. Sư bèn chỉ bày chánh pháp, dùng luật nghi răn dạy. Từ vùng xa xôi hẻo lánh nhờ đó mà nổi tiếng khắp các Kinh Phụ. Bỗng một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “Vô thường đã đến đại chúng khó thấy, mắt mờ đã đến. Hạn dài nói gì!” Bèn đi theo hướng Đông về lại chùa Đại Trang Nghiêm, thăm hỏi các bậc danh đức rồi Sư an nhiên thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường. An táng tại ngoại ô phía Tây kinh đô. Những người xưa ở Trường thành đều kính mến, tiếng tăm khuôn phép của Sư, bèn khai quật phần mộ, đón rước kim quan về lại Chu Ốc, hành đạo thiết trai, rồi theo phương thức hỏa táng, thâu nhật tro tàn, xây tháp thờ ở phía Tây thành, trồng hai hàng cây ngay ngắn bên cạnh trong làng Long ngạn. Và trồng nhiều Cây Dương, Cây Bách để người qua lại kính vái.

Sư là bậc chóng phát thiên tài, học chẳng bắt chước theo xưa, soạn “Bách Thức Quán Môn” mười quyển, “Luận Trí Chiếu Tự thể” sáu quyển, “Luận Đại thừa Văn Tư”, v.v... lưu hành ở đời. Ngài có Đệ tử là Sa Môn Tĩnh An, Đạo Thành, kế tiếp tông phong, chuyên việc tiếp nối. Ngài Tĩnh An ngâm vết ở chốn suối rừng, chỉ chuyên niệm định mà giữ gìn Đạo nghiệp. Ngài Đạo Thành hạnh cảm huyền giải, khiêm nhường hòa mục tự tu, bao gồm luật bộ giảng Đạo tiếp nối ở đương thời. Ban đầu, Sư trụ chùa Đại Trang Nghiêm. Vì truyền bá nghiệp cao nên được đề cử đến Diêu Đài giúp hoàng hóa ở đó. Ngoài ra sóng lạng trùm đầy, hưng thịnh ở kinh đô.

### ***3- Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu:***

Thích Đàm Vinh, họ Trương, người ở xứ Cửu Dương thuộc Định Châu. Bắt nguồn ở Nam Trịnh mà phân phái, nhân phong mà ở Cao Dương.

Năm mười chín tuổi, khi ấy đang là thư sinh, Sư khắc chí với huyền lý, không chốn gá tâm. Nhân có Pháp sư Linh Dự đang giảng Kinh Hoa Nghiêm, Sư bèn thử đến nghe, bèn tỏ ngộ hoàng phạm, hiểu sơ sự giải thích. Sư bèn đến nương tựa Ngài Linh Dự. Ngài Linh Dự là người có phong cách trong sáng, xét thấy Sư chuyên cần hành nhiếp liền độ cho. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên học luật tông trải qua sáu năm, học rành cấm khoa, hiểu rõ khai hết. Nên lấy Kinh Địa Trì làm môn học trước tiên.

Gặp thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, Đạo giáo, Sư bèn ẩn thân trong thế tục. Tuy bên ngoài đồng với bụi trần mà bên trong thấm đượm

Đạo vị. Đến đầu đời Tùy (581) trở lại mở mang Phật Pháp. Sư chẳng chuyên vì công danh, tùy duyên thông hóa, chẳng hề chấp trước. Năm bốn mươi tuổi, Sư vì đạo nghiệp đi khắp phương Tây, đến các núi ở Thượng Đẳng, Lộ Thành, Lê Thành, nương gá nơi non cao, dựng am ở ẩn. Vì ý đức đã sung mãn nên các hàng tăng tục đều quy ngưỡng. Sư bèn khai thác cây củi chường vật, mở mang dựng lập thiền phường, khắp bốn phương xa nghe đạo phong mà đồng một lúc nhóm họp đến. Sư là người hình giải hùng mạnh sâu xa, tùy bệnh cho thuốc, nên người nào được uống đều rung động đến đượm nhuần. Lễ cúng ngày một long trọng, Sư đều bảo ban bố cho người thiếu thốn. Đến cuối đời Tùy bị xâm lăng ly loạn, trăm dân đều theo vận, binh lính đói khát. Sư chỉ mong toàn vẹn được giới đức, chủ yếu là nhờ đạo sáng. Mọi sự cần hộ trì thì Sư đích thân làm Pháp Chủ. Mỗi năm hai mùa xuân, hạ Sư lập Pháp Phường Đẳng, Ban-chu, Thu Đông mỗi mùa hưng khởi ngôi thiền niệm tụng. Tăng ni ở biệt viện nên có bốn chỗ, khiến cho năm chúng đông nhiều như mây giăng, trăm thứ cúng dường nhóm họp. Ngày một thêm lớn sự mừng vui thanh thái, vui mừng hơn hở. Nên từ các bang Tấn, Ngụy, Hàng Triệu, Chu, Trịnh v.v... vắc hàng xuất gia được trở lại mới mẻ với giới pháp. Đó thật là do công đức của Sư!

Sư thường đến chùa Diên Thọ ở huyện Hương Ấp thuộc Hàn Châu, lập pháp sám hối. Thứ sử Phong Đông Nhân vốn kính thờ đạo Phật, gia truyền cúng dường, dâng tặng ba viên Xá-lợi để chúng hành đạo. Khi ấy đã tám mươi tuổi, mà Sư đích thân hướng dẫn các hàng đạo tục cả ba ngàn người đi bộ giữa đồng trống kéo dài hơn hai mươi dặm. Khách theo cũng rất đông, vẻ vang tràn tỏa ở đương thời. Khi đã về đến chùa, Sư bèn bảo đại chúng rằng: “Oai Đức của Xá-lợi biến hóa vô phương. Nếu nghiệp lụy có tiêu thì mong cầu sẽ toại nguyện”. Lúc đó, mỗi một người đặt bát nước riêng trước mặt, dùng thêm lò hương suốt đêm khỏ cầu. Đến sáng hôm sau trong bát tổng cộng có được hơn bốn trăm viên Xá-lợi. Tiếng tăm vang động khắp cả kinh ấp, huyện lệnh lo sợ ở đó nhóm họp chúng đông có rơi phạm vào điều Chương, nên kính sợ mà dừng việc ấy. Ngay đêm đó có tiếng loài thú lạ kêu rống ở Sảnh Vũ, quan dân suốt đêm chẳng an, sáng sớm bèn đến tỏ bày sám hối và mới thực hành theo Pháp của Sư. Đức hạnh Sư trùm khắp thánh phạm đại loại như thế. Mùa Hạ niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, đang ở tại thôn Giao Chương thuộc Lộ Thành, Sư lập pháp hành đạo. Nơi phòng đang ở tự nhiên sụp đổ hư hoại, khám tượng Xá-lợi tự nhiên vượt ra ngoài, dừng yên trong sân, không hề hư tổn gì!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, có các Cư sĩ Thường Ngưng Bảo, v.v... thỉnh Sư đến ở chùa Pháp Trụ ở Châu Trị thực hành pháp Phương Đẳng sám hối. Đến ngày mười bốn tháng bảy, tại chùa đó có Sa-môn Tăng Định là bậc giới hạnh tinh chuyên, ở trong đạo tràng thấy ánh sáng rực rỡ hiện khởi năm mẫu từ trên không mà xuống. Trong đó có bảy Đức Phật tướng tốt khác thường, nói với ngài Tăng Định rằng: “Ta là Tỳ-bà-thi Như Lai Vô Sở trước Chí Thân đẳng Chánh giác, nay vì ông tiêu tội nên đến chứng minh, nhưng không phải Bồ-nhơn nên không thọ ký”. Như thế cả sáu Đức Phật đều đồng nói lời ấy. Đến Đức Phật sau cùng bảo rằng: “Ta là Bồ-nhơn Thích-ca Mâu-ni Như Lai, vì ông tiêu tội nên đến thọ ký. Sa-môn Đàm Vinh là bậc duyên lành diệt tội cho ông, ở trong kiếp Hiền tên là Phật Phổ Ninh. Thân khí ông thanh tịnh, về sau sẽ thành Phật tên là Phổ Minh!” Sư có những ứng hiện cảm linh tốt lành như thế, lòng tin khó toan tính.

Về sau, khi nằm trên giường bệnh, trong khước mắt Sư hoen lệ. Đệ tử Sư là Sa-môn Viên Tông thưa rằng: “Hòa-thượng từ trước đến nay, niệm tuệ đều không, chẳng biết bởi cơ sự gì mà buồn khóc!” Sư đáp: “Ngày ta chết đã quá bức bách, hận chẳng được rửa tẩy lụy tội cho các tăng ni!” Ngài Viên Tông hỏi: “Vì sao phải đến nỗi ấy?” Sư đáp: “Từ ngày Phật pháp trở lại hưng thịnh đến nay, chưa một lần độ, chẳng nghe thuyết giới. Nay bị bệnh làm khổ, thuyết dục, ở đây chắc là chết!” Đến tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Trụ, thọ tám mươi lăm tuổi. Được an táng nơi dã ngoại. Sau, môn đồ ra thâu nhật di cốt về an táng tại phía Nam của chùa, xây tháp để tán dương đức hạnh Sư.

Từ lúc Sư đắm trải qua lắm gian nan, mà vẫn kính chuộng Phật giáo. Hình khí Sư đẹp xinh cao hơn tám thước. Nói lời hoà nhã, phong cách cao xa. Năm bốn mươi tuổi, Sư tuyệt thực để thân hình, thường chỉ ăn bánh bột giữ trung bình để xét tính phiền lụy, kính vâng theo giáo pháp, kết tịnh thật ít thấy ai được như Sư. Thường ngày Sư vào tăng trù, hỏi han các vị làm thức ăn, nếu có sự tạp nhiễm thì đích thân coi sóc phiền uest, đều tẩy rửa làm cho các vật đựng thức ăn sạch sẽ rồi mới trở về phòng. Sư tự đến hầu thăm các vị danh đức, ít nghe loại ấy. Lại các phòng trong chùa phần nhiều có kết tịnh địa, mô phỏng theo việc nấu bốn thứ thuốc, nên dự thắm vào cửa tường, tan ở các phương, đều hưởng được gió lành, khỏi các tú xúc. Lại mỗi năm sám pháp phải đầy đủ lưỡng nghi. Nếu hai thiên trở xuống thì y luật mà làm cho thanh tịnh. Trước khiến trì y thuyết tịnh, trọn đời lập thệ nguyện. Sau đó mới yết-

ma tùy trị thành người. Ở nhóm đầu là chánh tội, y cứ theo Đại thừa, vẫn khiến cho tâm dùng Lý sự chẳng chấp Hữu Không, thân miệng oai nghi quy về luật kiểm. Nên tự theo sự dạy răn, kính thờ chánh pháp không thiếu sót, đều được trọn đến mạng báo.

Nhân tâm phỏng đạo nghệ nên tôi (Đạo Tuyên) đi đến Lộ Thành, bái yết thanh nghi, được biết sáng tỏ đại lược, không dám để rơi rớt đầu mối tốt lành ấy.

#### ***4- Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô:***

Thích Tĩnh Lâm, họ Trương, vốn người xứ Nam Dương, sau dời đến ở Hoa Nguyên thuộc Kinh Triệu. Từ thuở bé, Sư đã trái bỏ tục tình, nương gá truy môn. Ngày Sư mới ra đời, có vị Đạo nhân người nước ngoài bảo rằng: “Đứa trẻ này rất đáng quý, nếu xuất gia sẽ mở mang Phật pháp rộng lớn!”

Năm bảy tuổi, Sư đến chùa tăng xin xuất gia, thường ngày chăm lo việc làm ruộng cấy lúa, chẳng trái sự dạy bảo, nhưng không đưa đến kết quả như hoài mong, Sư suy nghĩ sâu xa thật là phi pháp. Tự nhìn lại mà bảo rằng: “Ở đây chưa bỏ, thì đâu khác gì thế tục?” Sư lại nương theo một vị thầy khác hết lòng chánh hóa. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư lại nương theo tục duyên. Đến năm hai mươi tuổi. Sư vẫn mong cầu, không hề biếng lười. May gặp thời nhà Tùy mở vận (581). Sư liền đến chỗ Pháp sư Đàm Mãnh dùng Hi việc nhiếp nhau, trải qua năm năm, Sư vẫn còn chuyên việc Sa-di, chưa dám thọ giới cụ túc. Mừng đội ân khai pháp. Ngài muốn mở rộng sự thấy nghe, bèn từ giả Bồn sư (Đàm Mãnh) đi về hướng Nam, đến Phiên Đặng. Ở tại châu ấy, Sư tấn đàn thọ Đại giới. Vì mới thọ giới pháp, chưa hiểu rõ thanh quy. Sư lại xa đến Thanh tề, nghe học luật cấm. Phát sau đến trước, Sư đứng đầu các vị nghe trước. Sư lại đến chỗ Pháp sư Giác, nghe học Kinh Thập Địa. Lại chóng xoay gót về Nghiệp Đô đến chỗ Pháp sư Củ, tham cứu nghe giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Lăng-già, Tư Ích và đều thông suốt tinh lý, khéo suy nghĩ cao vượt, các bản cựu truyền tân giải thường tỏ bày khí lượng. Bấy giờ được suy cử khai mở giáo hóa, Sư giảng giải ý chỉ sâu mầu, mọi người đều kinh hãi với điều chưa từng được nghe, nhưng trong lòng nghĩ tưởng vẫn cho là chưa đủ. Sư Triển chuyển đến nghe rộng khắp Đông Xuyên, chứa nhóm kiến giải tâm sư lại đến Bồ Tấn.

Ở đó có Sa-môn Đạo Tấn, Đạo Thuận là những bậc Đại đức nổi tiếng, lưu giữ Sư lại giảng cho nghe Kinh Thập Địa. Trải qua thời gian



lạnh nóng, tuy nghe được thanh thái, nhưng chí càng phiền toái, vẫn vương. Khi xuống tòa, vào phòng võ ngực tự xét rằng: “Pháp vốn để trị bệnh, mà nay khinh mạn pháp càng tăng, vả lại, Đạo quý ở điểm rộng thông mà nay đả trước càng bền chắc. Đó là điều không thể được!” Liên đó, Sư bỏ nghiệp giảng, chuyên tu thiền môn. Mới đầu Sư học các pháp Bất tịnh niệm xứ, v.v... lại hiềm ghét sự vụn vặt phiền toái xem xét nơi người. Sư mới học Đại thừa đến chỗ Vô Đắc quán, lia niệm Duy thức càng rộng mở bày, mỗi lần tu tập, mỗi lần hiểu rõ đào luyện qua mười năm, tinh thông nhận biết xưa trước, càng đổi mới sự thực hành sau. Mà Sư vẫn mặc áo rách xấu, ăn vật thực không ngon, tình muốn dứt bặt.

Sau, Sư vào núi Bạch Lộc, ở núi lương thực ít có, Sư liền thử dùng pháp bỏ ăn cơm gạo, riêng một mình rảo bước khắp cùng các đỉnh núi. Lại trải qua nhiều năm, ở trong núi, nghiệp định làm hôn trầm mê hoặc tâm, Sư bèn leo lên đỉnh núi cao chót vót cách bờ nhìn xuống cả ngàn nhận, bên cạnh có mọc một cây, mới gặp được người tốt. Sư bèn phủ cỏ lên trên và ngồi lên, trong đó buộc niệm càng động hơn ban ngày. Sợ chết đã lớn, càng quán sát sâu. Sau, nghe ở núi Thái đặc biệt có nhiều điềm linh dị, Sư bèn tìm đến đó. Khi đã đến núi ấy, ban đêm trông thấy đuốc lửa chung quanh soi sáng khắp cả đỉnh núi, Sư liền chuyên tìm cầu, trải qua nhiều ngày mới đến nơi, bèn thấy có năm, sáu vị ni nhóm họp cùng ngồi luận đạo. Ban đầu, Sư đến hỏi han tất cả các vị và cùng bàn luận về nghĩa lý Duy thức v.v... Trong thời gian nói chưa dứt lời, bỗng nhiên biến mất. Buồn bã giây lâu, Sư bèn tỏ ngộ được thật Pháp. Về sau Sư vào Quan Trung, gặp được Thiền sư Đàm Thiên đang giảng Nhiếp Luận, Sư chỉ nghe một lần mà như trí tuệ ngày trước chẳng có gì mới mẽ. Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc đón rước xá-lợi đến chùa Thần Đứ ở núi Thạch Môn thuộc Hoa Nghiêm. Sư bèn sang đó ở, tĩnh lặng theo khóa nghiệp, hạnh giải hưng thịnh, tiếng tăm vang khắp chốn kinh đô.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, có các Sa-môn Hoàn Nguyên v.v... thỉnh Sư trụ lại các chùa Minh Luân, Diệu Tượng v.v... ở Đế Thành, giảng nói truyền bá Nhiếp Luận, hàng thức giả quy hướng rất đông. Sau đó bỗng nhiên vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) ban sắc thỉnh Sư vào Đạo tràng. Khi Sư đã đến Đông Đô, thiền môn càng đông đảo. Tề Vương bày tỏ Tình sâu lý Định, mỗi lúc cần thưa hỏi điều nghi thì thỉnh Sư đến nơi Bốn Đế, kính phụng theo quy giới. Hồng Lô Tô Quý là bậc học cao xưa trước, mũ lọng đầy triều, bắm thọ Tông

sư dạy bảo, làm thuyền làm cầu. Ở Cao Dương có các Sa-môn Đạo Hùng, Đạo Thế, ở Quận Triệu có Đạo Hiến, Minh Tắc, v.v... đều là các bậc oai phụng của chốn thiền môn, hạt ngọc sáng giữa biển trí, đều tiếp thừa lý vị, chước rót Hoa thật.

Ở Tương Dương, có Sa-môn Hồng Triết là bậc đức cao được trọng vọng, phong lực oai hùng đến kinh sợ, nghe tiếng sâu xa của Sư là bậc tài giỏi ở đương thời, nên lại nêu lời hỏi rằng: “Người mến Đạo thì đông, mà ý chuyên vì việc gì?” Sư thấy văn từ ấy khó đua tranh, liền dùng sự mà nêu bảo rằng: “Núi hang cao sâu, ý định ở đâu?” Ngài Hồng Triết hỏi: “Núi cao hang sâu, xưa nay tự như vậy”. Sư bảo: “Nếu như người đến nói, còn các chỗ khác lấy đất lấp bít hang ngang bằng núi, để định cao thấp.” Ngài Hồng Triết tỏ ngộ chỉ một lời nói ấy nên rất mực dùng văn từ tán phục. Do đó, các bậc Tài tuần dĩnh ngộ đến nương tựa bên bờ, xét nghi càng chồng chất, cho nên tiếng tăm Sư truyền càng rộng lớn. Sư lại cho rằng Tượng giáo dần truyền về phương Đông, giềng mối chánh pháp tuy nghiêm, nhưng tăng nghi chánh độ vẫn chưa được mở mang sáng tỏ. Sư muốn đi khắp cõi Diêm-phù khắp cùng các linh tích. Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) Sư dâng Biểu tấu trình. Và được Ân vua ban chiếu bảo Sư tuần du các nơi, đồng thời cấp sứ nhân truyền đạt thư tín của Quốc gia, Sư đi tới đất Tương Dương, rồi vừa đến Hải Nam thì gặp phải quân giặc đã xâm chiếm, trong nước phản nghịch, đường sá tắt nghẽn, nên Sư phải về lại Nam Dương.

Đến niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) Sư lại được thỉnh vào kinh đô trụ chùa Đại Tổng Trì, mở mang thuyết giảng như thường trong thời gian lâu, các hàng học giả đến học rất đông.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiên Đường, Chánh Bình Công Lý An Viễn tấu trình lên vua xây dựng chùa Hoàng Pháp, vốn kính tin, thỉnh Sư đến ở đó. Sư lập ý lia duyên, nhiếp niệm dưỡng Đạo. Vào cuối đời Tùy bị bế tắt ngưng trệ, đến khi nhà Đường mở mang, các hàng tăng tục quy y, mừng vui tỏ rạng. Sư bèn dứt bỏ phiến nhiều, đạt đến đơn giản, chỉ giảng truyền Luận Trung Quán lấy làm chính, ngoài ra các kinh luận như Duy-ma, Khởi Tín, tạm tùy cơ mà thường giảng bày. Đêm thì Sư cố gắng nhiếp giữ Niệm tuệ, mỗi việc đều nêu chứng tính nghiệm, và khiến mở ra từ tự tâm, chẳng do người khác trao truyền. Nên như Luật Sư Huyền Uyển là bậc Đạo Vương ở Quan Hà cũng đích thân tiếp thừa khuôn phép, ngoài ra các Bạn Đạo Tuế hiển kỳ luận. Trụ Thành Vương và Thái Phi, Sở Quốc Thái Phi, Công chúa An Bình v.v... đều là Hoàng Gia Đế diệp thỉnh giới ở Đệ Trạch, bày lễ rộng lớn. Quốc

tử Tế Tửu Tiêu Cảnh, công Bộ Thượng Thư Trương Lượng. Chiêm sự Đổ Chánh Luân, Tư Nông Lý Đạo Dự, v.v... đều phát nguyện xin làm đệ tử, đầy đủ các Pháp vật, thường dâng cúng Sư sử dụng. Lại vì đồ chúng Nghĩa Học, do khuyết thiếu Luật tông, Sư bèn đích thân thỉnh cầu Luật sư Trí Thủ giảng dạy mở mang Luật Tứ Phần. Một phen trải qua mười biển, tự thân Sư dẫn đầu chúng, nên khiến giáo pháp trụ trì ở Kinh Liên rất tốt đẹp. Cho đến các hàng Sa-di, Tịnh nhân đều hiểu rõ về Luật tướng, thật do công đức của Sư.

Bỗng nhiên đến đầu mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh. Qua đến sáng sớm ngày hai mươi sáu tháng mười, trong lúc bệnh trở nặng, có Sa-môn Pháp Thường là bậc nổi tiếng ở chốn Đế Đô, vốn cùng chu toàn nên đến cùng giã biệt. Sư bảo: “Chẳng luyến tiếc đời này, chẳng tham cầu quả báo tương lai, duyên nhóm họp thì có, duyên tan thì không!”. Mà thần khí Sư lắng đọng, xưa nay chẳng loạn. Từng có người hỏi thăm về bệnh tật, Sư bảo: “Lấy cái Bệnh ở tôi mà xót thương bệnh ở bao người khác!”. Nhân đó mà ngài chảy nước mắt vì nghĩ đến các đường khổ. Và liền đó, Sư nhóm họp tất cả tăng chúng và môn nhân mà bảo rằng: “Sinh tử đường dài, có tâm hằng ngày rút ngắn. Các vị hãy tự kính, chớ lụy Thần ấy!”. Và Sư liền nằm nghiêng về phía hông bên phải, chỉ chốc lát liền thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi. Các chỗ đều lạnh cả, chỉ ở đỉnh đầu còn nóng ấm, mãi đến ngày trà-tỳ mới tán thân. Và hình sắc tươi tắn mềm mại đặc biệt khác thường, đón rước đến cử hành lễ trà-tỳ tại chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, chỉ có cái lưỡi còn nguyên, lại đem thiêu lần nữa thì càng sáng đẹp. Đó chính là do năng lực giảng nói đúng với chánh pháp của Sư! Các đệ tử của Sư có hơn bốn mươi vị kính phụng qùy trước. Từ nhan, thấy đều kính ngưỡng, trong suốt một trăm ngày, báo chung tất cả mọi người có duyên cùng đọc tụng đọc kinh điển Đại thừa, tất cả có hơn bốn mươi ngàn quyển. Vào tạo ngàn viên Xá-lợi, làm tháp gỗ cao năm trượng, chạm trở tô điểm xinh đẹp sáng chói giữa khoảng trời xanh, rộng lưu bố Đàn Na để báo đáp ân đức linh trạch.

Mới đầu, khi còn sống, Sư dùng thật lực để hoằng hóa rất nổi tiếng. Mỗi lúc nói về chỗ Chí Lý huyền ngưng không ai chẳng rơi lệ khen ngợi kính tin. Sư nói: không gì chẳng trải qua, chẳng gì việc không làm. Có Thông sự xá nhân Lý Hảo Đức từng ở Lạc Ấp thọ nghiệp với Sư. Sau Sư đi qua Quan Thiên Môn, khó khổ bởi việc tục, bèn lánh theo dòng đến núi chằm, sai đệ tử hướng dẫn. Nếu y cứ theo chánh sắc thì tội đáng xử tử. Sau có người ganh ghét đối với Lý Hảo Đức, không lấy

làm cực hình, và hạ ngục trừng trị ngài. Ban đầu không chống trái, nên người trông coi ngục rất biết tình lượng, không do đâu mà xua đuổi, sự việc theo lo toan mà qua, tự nhiên phóng thả. Nên các hàng thức giả cho rằng: “Lời nói thật là thang trời, đến chết mới biết lượng”, ấy chẳng gì phải thêm nữa.

Tự ban đầu đến hỏi Pháp. Sư không sợ xa xôi hiểm trở, y phục rách rưới thì dùng chỉ may vá. Giường chiếu ấm nóng thì ngồi lên trên để tiết lượng đó. Lại tiết lượng sức lực mạnh yếu, chẳng duyên danh lợi, nói nín Sư đều trầm tĩnh, tu nghiệp oai nghi, có tên gọi khác. Khắc nhỏ chẳng lộ bày nơi miệng mũi, uống ăn không hề nói dở ngon. Sư rất mực kính thuận, không có gì thêm. Lại nữa, Hạnh vị của Sư thật khó lường biết, rận rệp chẳng ngang qua nơi thân, nếu như có thì liền chốc lát chạy tan. Đó là mắc nợ đã mạo phạm, nên chỗ báo là ít có.

Sư từng ở trong hang núi, cần gạo thóc phải đợi rất khổ nhọc bèn một hoàn thuộc độ chừng một tháng, được một vòng chi, Sư uống dùng kéo dài trong ba năm. Các vật tiện lợi Sư gom nhặt tẩy giặt mà sử dụng lại. Nên có khả năng nghiệp định bền bỉ trong sáng, chuyên chú khó dời đổi. Bấy giờ, gặp năm đói kém, Sư tùy duyên vào báo với người trong thôn ấp, hề có được thì ban thí, riêng mình chỉ an vui với nghèo khổ. Sư từng ở trong giảng hội, có chừng ba mươi người đời định mưu hại một kẻ thù. Hai người đến giết hại, trong đó có một người hối hận đã theo Sư thọ giới. Trải qua năm tháng đã lâu và đều đã theo vật, người thọ giới bỗng nhiên chết giấc, ở ngục còn nóng ấm, sau lại tỉnh ngộ thấy rõ kẻ oán xưa và cùng những người đồng mưu hại luận cáo về việc giết hại. Người thọ giới ấy kêu oan, không phục, dẫn Sư làm chứng, vua liền triệu vời làm chứng thì phải có cáo. Sư sống ở cõi khác, nơi thế giới Kim Lật, vua đã cảm chứng, nhân đó mà thả người ấy.

Lại nữa, suốt cả đời Sư, hề đến các chốn Già-lam, thấy đều khiêm nhường tự giữ. Đến lúc danh cao phước dày, mọi người cúng dâng ban tặng, Sư đều giao phó cho người thị giả, chẳng hề hỏi lại. Sau này khi làm việc phước, Sư mới hận không có của cải, người thị giả bèn đem ra cho Sư xem, Sư bảo: “Ta không nhớ có vật này!”. Đó thật là tâm chuyên y cứ Đạo, tình không vương mắc thế sự. Có thể nói ở cuối đời Sư xứng đáng là tấm gương để soi chung.

Từ khi Sư đến trụ chùa Hoàng Pháp, giảng nói giáo hóa bốn phương, học chúng bạn đạo khách tăng đến đông như chợ ồn náo. Sư vời đến an ủi vỗ về, tùy việc mà vui tiếp thừa, mà độ lẫn công tư, hiến chương có thứ lớp. Nên khiến bên ngoài tuy là cấm ngăn kiên cố mà bên

trong thật là thông lưu. Núi rừng trông ngóng mà có chỗ kết quy, khuôn phép lập ra mà bày phép tắc. Sau khi Sư thị tịch, pháp ấy càng được kính trọng. Do đó, ở kinh thất, chùa tăng có hơn năm mươi ngôi, còn như tự tiếp lễ khách, tăng nghỉ hoà mục, không ở đâu sánh bằng với chùa Hoàng pháp. Lại nữa, chùa xưa hư hoại, chỉ còn một Phật đường. Lúc tăng chúng mới đến ở chỉ là nơi nhỏ hẹp mà thôi. Sư đôn đốc khuyến cùng bạn đạo đồng xây dựng mới lại, nay thì phòng nhà bao quanh, kho bếp chứa nhiều. Khách chủ lẫn lộn đồng đi ở tùy ý. Nên Pháp Sư Linh Dụ nói rằng: “Dùng Đạo để thông suốt vật, vật do Đạo chiêu Cảm, Tuệ do Đạo mà có, trở lại cúng dường Đạo chúng. Nên Tăng thật là do khách, sâu có công lực thâm!”. Lời ngài Linh Dụ gần với Sư.

**5- Truyện ngài Thích Tuệ Bản trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh Đô:**

Thích Tuệ Bản, họ Hòa, người xứ Duyện Châu. Sư đọc xem cùng các Kinh nghệ, Văn nghĩa đều mở thông, riêng hiểu về nguồn chữ, rất sáng tỏ Chương Diệu. Năm mười chín tuổi, Sư rất được Bà con xóm làng kính chuộng vì làm trợ giáo cho khắp châu. Mà tánh Sư nhàm chán phiền toái vấn vít, có tâm kính mến muốn lìa tục.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư mới dự phần xuất gia, sau đó liền nghe giảng kinh luật, trong hai năm. Sư thấy trường giảng ồn náo nhiều động, chỉ có Luận là chiếm thanh thế, bèn đến Đài Sơn tu các pháp tĩnh lự, một lần vào, đến là tám năm, hành trì đủ các pháp quán, Sư bèn đến các chùa Thái Sơn, Linh Nham v.v... để hành đạo, lấy đó làm việc trước tiên. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư mới lệ thuộc quan danh, đến trụ chùa Tồn Đạo ở núi Lương phụ táng thuộc tâm Chân. Sư lại tìm luật bộ, rộng nghe giảng các kinh luận mà tánh Sư lại quên hợp với thiên lâm nên vẻ vang sáng tỏ khắp xa gần.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định mở mang xây dựng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) ban sắc nêu thỉnh khắp kinh ấp. Bấy giờ các bậc danh cao đức lớn, tám biểu một hoại, đều là bậc tài giỏi, người trình tấp nập. Sư tuổi tác hạ lạc rất nhỏ nhưng tiếng tăm rất lớn, ngoài y bát không còn có hòm rương áo bọc, dung chất trắng sạch, trội vượt khác thường. các hàng tăng tục đều chú ý, không ai chẳng hướng về. Đó cũng là vị tăng trang nghiêm thanh tịnh ở thời Tượng quý! Lại thêm, Sư có hạnh bố thí thuần túy, nói năng không văn hoa. Mỗi lúc nghe bình luận, Sư liền lặng yên, giữ gìn giới nghi, nghĩ ban trải lòng từ cứu giúp. Mỗi lúc đến mùa hạ Sư cầm chổi quét trước,

vì sợ thương tổn đến loài trùng kiến. Hễ được lợi dưỡng, Sư liền kín đáo ban thí, hoặc làm đẫy lọc nước, hoặc cúng thí các hàng đạo tục. Chỉ khi gấp mới thực hành việc đó. Sư nhiều lần căn dặn chớ kéo làm theo người thế tục. Và trước lúc Vua xây dựng chùa, hỏi han giềng mối khắp kinh ấp, đồng khen ngợi không ai hơn Sư. Vua bèn ban chiếu đề cử Sư làm tự chủ chùa Hoằng Phước. Sư tiếp nối hài hòa, trên dưới không dám trái sự chỉ bảo. Đến ngày mồng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi hai tuổi.

Từ lúc Sư nhập Đạo, luôn sống với việc thường hằng, thường hành Đạo, chú nghiệp làm tâm, hoặc tụng niệm danh hiệu Đức Phật Thích-ca, Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc hành trì sám Pháp Văn-thù. Trong một năm có tám mươi hai ngày, sáu thời hành nghiệp, trước sau thông số tám mươi đạo tràng. Thân tâm vui vẻ, Pháp lợi có được chưa thể lường biết. Còn như dạy răn môn học, chỉ nói về thiền nào cần phải dứt bỏ. Mỗi lúc có người xuất tội phát lỗi lầm, không khi nào Sư chắng vì đó mà rơi lệ. Mừng giận không tỏ vẻ nơi cử chỉ, trì tụng không lãng quên, nên tông tượng của Yết-ma khắp chúng tăng đều kính ngưỡng chăm chú. Các hàng tăng tục theo thọ quy giới, học trò của Sư rất đông nhiều. Nên khiến từ Ngụy Vương trở xuống trong ngoài đều ưa thích gần gũi, cho đến các hàng công khanh đời Lương đời Tống đều tiếp thừa giới Pháp.

Cha của Sư tên là Lãng, có tất cả bảy người con, gia đình nhiều đời vốn theo Nho Nghiệp. Sư là con thứ hai, nhân thọ trưng nhập, không do đâu ái kính. Cha của Sư đã qua đời, chuông đổ canh tàn, xưa nay tuyệt ý. Sinh tử chia đường, Sư bèn ở nơi hội của Cửu quỳ phía bắc sông vấn đào một cái giếng nghĩa, bèn dựng phong bia giúp đức ấy, bài minh ấy lược viết rằng: “Thảm thương cha mẹ, sinh ra nuôi dưỡng cũng đã lộng chương. Ta dẫm ta đạp, một sáng bỏ ta. Núi sông đầy mắt, mây phủ cửa ải, gió kinh hang lớn. Đạo kính ái, thin luân ở đây. Mãi lo tuổi già không mong được thấy con, đào giếng cung cấp, gá việc dấy từ. Trăm năm mấy ngày đối đây buồn mãi. Vương Kiềm ở Nam, Dịch Dương ở Bắc, được Lân ở đông, giữ lễ ở nước. Sống khôn phép đẹp, đời lấm Nho mặc, giếng ngọc suốt thông. Bia cao khắc lập.

**6- Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu:**

Thích Chí Siêu, họ Điền, người ở xứ Phùng Dục thuộc Đồng Châu.

Tổ tiên xa xưa lưu ngụ, bèn ở Du thứ thuộc Tinh Châu. Thuở còn nhỏ mà trí lượng Sư đã vượt hơn người, siêng năng mài giũa khác với đồng bạn, nhã độ nêu xa. Sư chán đời theo Đạo, thấu suốt tạng du. Cha mẹ chỉ nương cậy ở Sư, bởi không còn anh em, tuy Sư thuật bày chí nguyện của mình, nhưng thường bị ức ngăn. Xét đến sự tiếp nối tông tộc, Sư bèn theo Nho lưu, xem đọc khắp lưu lược. Đến tuổi tráng niên, cha mẹ cưới vợ cho Sư, Sư nghe thế liền xa lánh trần nhiễm ấy, bèn vào chốn rừng hoang. Người thân đi tìm khắp mà Sư ẩn thân, vô phương tìm kiếm. Khi đã bị bắt về, Sư bị bắt buộc sánh đôi. Mới đầu thì hợp theo nhau cuối cùng cũng đóng thất riêng, mong hành hôn lễ. Chỉ đặt một chiếc giường, Sư bèn kéo chăn giạ ngồi dưới đất, bảo người vợ ngồi ở trên, đích thân Sư tự đến ngồi trên giường, nghiêm nhiên tư duy ngồi nói pháp cho vợ nghe, ngôn từ rất có chỗ y cứ, người vợ chảy nước mắt lể tạ từ chối vì cuối cùng làm khổ lụy nhau, nhiều lần trải qua đêm thâu, sự đồng với hình vàng, thường lễ cầu khuyển, thật vượt chất ngọc. Đã đích xác khó lay chuyển, nên cha mẹ Sư mới đành bỏ mặc tùy ý.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư đến chỗ Thiên sư Tuệ Toản chùa Khai Hóa ở Tinh Châu. Ngài Tuệ Toản là bậc chí đức lừng sáng, hạnh thành khuôn phép của chúng, chưa bày độ hạn, trải qua dò thử các nạn, mà Sư thì thanh khiết chân chánh thân tâm, chuyên cần làm mọi việc của chúng. Tăng chúng ở đó có cả trăm vị, ngồi thành năm hàng, mỗi ngày hai bữa thường đầy đủ, sáu thời không thiếu sót. Mỗi lúc có việc làm gì khổ nhọc thì Sư luôn dẫn thân trước. Ngài Tuệ Toản gần gũi xem xét, bèn cho thọ giới cụ túc. Từ khi được thăng tấn giới phẩm, Sư chuyên tu hạnh nghi, liền đến Định Châu tìm kiếm luật tạng, bao gồm tinh yếu, cắt bớt chỗ rườm rà, chưa đầy năm mùa hạ mà ba giáo đều đã tròn đủ. Sư bèn trở về quê cũ, nương tựa núi non tu tập.

Ban đầu, Sư đến núi Tỷ Can ở phía Tây Thái Nguyên, nương gá các vị tài giỏi sáng lập thiền lâm, sớm tối chuyên tu niệm tuệ song hành, bốn oai nghi gá ở giới tiết, hai hạnh nương nơi pháp y. học quán đông đúc, không oai mà nghiêm túc. Đến nỗi khiến người nghe Đạo phong không nơi xa nào mà chẳng đến. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, giềng mối nghiêm minh, đóng chặt cửa chùa, không cho chúng tăng ra ngoài. Sư nghe thế bèn nghĩ muốn lên can ngăn, bèn đắp y chống tích ra đến Quận thành, mong có người cầm nắm mà đưa tấu trình lên điều Sư can ngăn, nhưng quan tư chẳng đoái hoài. Sư bèn lên đến giang Đô và tấu bày sự việc. Quan nội sử cho rằng việc ấy không quan trọng, nên chẳng thông dẫn cho. Sư trở về lại Tinh Châu. Đến cuối

đời Tùy, có lắm nạn giặc giã thay nhau hoành hành, dân chúng ở các hang hào chết hơn phân nửa. Sư nhóm kết đồ chúng, khuyên nhóm họp lương thực dư thừa vẫn chẳng hết. Chỉ sợ trộm cướp lẩn lút, bèn muốn bỏ chạy, Sư bèn dùng giáo pháp dạy răn, khuyên chớ biến đổi tình thế đó, nếu gương nghiệp đã soi chiếu đến thì trốn ở xứ nào? Đại chúng cảm kích lời nói ấy, tâm kỳ vọng liền mở sáng, chuẩn thức theo thiền lễ, thời khóa không thiếu sót. Có lần đang đêm lúc ngồi thiền, bỗng nghe tiếng bọn giặc mở cửa thẳng tiến vào, đèn đuốc sáng loáng khắp cùng, mũi nhọn trắng sáng giao nhau tiến tới. Cả chúng vẫn thản nhiên cùng ngồi giống như nghi tượng. Bọn giặc bèn ném dao trượng xuống đất, bái lạy xin quy y. Sư bèn nhân đó tùy nghi dẫn dụ, lượng quyền mà trao pháp. Cả bọn đồng phát tâm cung kính chấp tay mà rút lui. Sư có những cương lược nhiếp ngự đều đại loại như thế!

Vua Cao Tổ (tức Lý Uyên thời Tiền Đường) vào niên hiệu Kiến Nghĩa ở Thái Nguyên, khắp bốn phương xa mọi người đều nhóm họp. Sư chỉ mở mang Đạo vì sinh linh, nghĩa nương nơi phước, liền hướng dẫn Đồng bạn ở Tấn Dương đồng trụ chùa Ngưng Định. Thiền chúng theo học có đến mấy trăm nhưng thanh tịnh trang nghiêm thành khuôn phép. Kể tăng người tục kính trọng thừa kế, các hạng sinh hèn đều cung kính quy ngưỡng. Đến lúc Hoàng Kỳ chỉ hoàng hương Nam. Tam phụ không mấy trần. Niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) đời Tùy, Sư dẫn đệ tử hơn hai mươi người vâng kính mừng kinh áp. Võ Hoàng sớm tiếp thừa trông mong. Chờ đợi đó như tiên, dẫn cùng lên điện Thái Cực tiếp đãi lễ đặc biệt. Tả Bộc Xạ Ngụy Quốc Công Bùi Tịch, sinh ra khác người đời, khí liễn rộng sâu, Biệt Viện trong đó để chư tăng ở, nghiệp mới càng giữa mài, chỉ vì quý sự vân du, huyền Tap bên ngoài không nhân để tinh tiến, phải gá nơi rừng mông mới tổ mấn mộ xa.

Bấy giờ, chùa Hóa Cảm ở núi Lam Điền có các Sa-môn Linh Nhuận, Trí Tín, Trí Quang, v.v... là những bậc nghĩa giải câu huyền, khéo tôn sùng tâm học, đồng khí tương cầu rõ ràng như cũ, bèn thỉnh Sư đến trụ ở núi đó, gá chí được mất, nhiếp duyên nhóm kết, mọi người tìm đến như mây giăng. Thánh hiền nói nín, thuần trọng lẫn nhau. Mà chùa chẳng phải ở chốn sâu xa hiểm trở, mà thuộc về công đồ, nên những khách ẩn tích cuối cùng khó tiếp thừa Đạo nghiệp, mới theo vật ngoài quan ải, ý muốn độ người. Sư lại trở về Tấn Xuyên chọn tìm những vùng đất nổi tiếng.

Niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường. Sư vào núi Vu giới, bắt đầu nhóm họp bạn thiền. Núi đó tên là Bảo Phúc, bốn phía



đều có khe suối, trông xuống dưới khoảng trăm tầm, trên lên đến ngàn nhận. Suối đá kết vận nơi tiên thất, gió mưa thổi ở đầu rừng, khiến người nghe đến dừng tâm trần đào luyện. Sư tự gượng răn dạy người, không mỗi một thưa hỏi điều lợi ích.

Sư lại đến huyện Giới Hưu ở Phần Châu sửa sang xây dựng chùa Quang Nghiêm. Điện đường phòng hiên, đích thân Sư kết cấu, mở mang rức rỡ hoành tráng giống như Thần Công. Nên người hạnh sâu thì ở núi, kẻ đạo cạn thì ẩn tại thành. Thầy trò nghiêm túc hoà mục đua nhau hành nghiệp chân thật. Nghe hiểu âm thanh, xét nhận hình sắc thì vẫn chẳng đủ. Bỗng nhiên Sư bị bệnh, biết không bao lâu nên Sư dạy răn ân cần chỉ bày họa phước. Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi một tuổi. Khắp chốn núi non giữa đời đồng tham, khách chủ cùng thương xót, Bạc Đức nhân đã ra đi, người học nhân đó phân tán. Bền an táng tại gò núi ở phía nam Thành.

Từ khi Sư đượm nhuần phạt pháp, trong ý Sư luôn muốn trú trì, ngày đêm khắc niệm chuyên cần, dắt dẫn các hàng hậu học, do đó, mỗi ngày riêng phân công lễ phạt năm trăm lạy, ngồi thiền bốn thời, tự thân thực hành và răn dắt đồ chúng đồng bạn, có thiếu sót liền phạt, tự tay Sư bưng lò hương, tùy xướng cúi lạy, không hề đặt xuống đất và thiếu lạy. Đến lúc ngồi thiền trong chúng răn bảo lẫn nhau, vừa mới có người hôn trầm ngủ gật, liền đến gần nhắc nhở. Có người mới đến, thì liền độ, trao truyền giới phạm cho. Đi dừng oai nghi, nhiếp dưỡng lẫn nhau, lễ hợp cả Thiên thuộc. Bảy giờ, gặp lúc sắc lệnh nghiêm cấm độ người Phạm tội cực hình, mà Sư không hề để ý, vẫn cứ cạo tóc như thường. Đến nỗi khắp đất liền cho đến biển cả, những người mến nghĩa lánh đời đến trong chúng tăng cậ nhờ như núi lớn, nường tựa mà tu đạo. Bảy giờ, Sư giảng các Bộ Nhiếp Luận, Duy-ma, Khởi-tín v.v... đều rõ ràng sẽ nói sau, sâu xa hợp với căn cơ.

Từng có sự kiện vào niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư đang ở tại núi Bảo Phúc, tăng chúng có đến trăm vị, Sư riêng cung cấp đại trai mà lúa thóc chỉ được sáu thạch đồng để trong một bịch, mỗi ngày xay giã năm đấu để cúng dường thường điều, từ mùa xuân đến mùa hạ, tính sự hao tổn rất nhiều, thấy lạ, xem xét lại thì chỉ xay giã hết hai học. Cứ lường việc ấy thì u trí đâu thể suy nghĩ. Lại mấy lần cảm có vị tăng lạ nường giữa hư không mà đến, tuy không hỏi lời gì, nhưng hình nghi có thể nghiệm được. Vừa có người rơi rớt thì liền được thần răn nhắc, còn như vời gọi chúng thì tiếng chuông thường tự ngâm

vang. Trên suối đá tuôn trào nước tùy theo người ít nhiều. Điềm linh thường hiện khởi như vậy chẳng phải một lần. Mà Sư kính giữ giới pháp ít thầy người được như thế. Sư hộ trì cẩn trọng oai nghi trước sau không lỗi lầm. Từ đời Tùy đến đời Đường trải qua hai triều đại, Sư đích thân độ người xuất gia đến gần ngàn vị. Sư là bậc thầy khuôn phép dạy răn những điều thấy nghe.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lúc xưa được tham dự ở cuối pháp diên, được các tuệ cáo, đã gần gũi tiếp thừa công tích ấy, nên liền tiếp nối.

### **7- Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu:**

Thích Đàm Vận, không rõ Sư họ gì, vốn người xứ Cao Dương. Mới đầu, Sư nhàm chán thế tục mà xuất gia, tụng kinh Pháp hoa được hơn hai quyển. Khi ấy vừa mười chín tuổi, Sư đến núi Bồ Ngô bên cạnh Hằng Nhạc, ở đó tĩnh lặng, Sư tụng xong bộ kinh ấy. Gặp được Thiên sư Thê Ẩn bảo Sư rằng: “Tụng kinh phải có duyên với đạo, thường tụng chưa hẳn là Chí Đạo. cốt yếu ở điểm quán tâm lìa niệm, mới hợp với Chánh Đạo!” Mới đầu, Sư tiếp thừa lời dạy bảo ấy liền kính cẩn vâng theo mà thực hành, chuyên tinh niệm tuệ đủ cả nêu bỏ.

Lại nghe ở núi Ngũ Đài (tức núi Thanh Lương) Kinh Hoa Nghiêm, ở đời tương truyền là Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi thường trụ tại đó, nên xưa nay chư tăng phần nhiều đến đó cầu thỉnh. Có người được chiêu cảm ứng hiện và được chỉ dạy đầy đủ. Khi xưa, vào thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hoàn - Thác Bạt Hoàn 471 - 500) đã từng vào trong đó xây dựng chùa Đại Bố. Vua từng đến ở đó, kính phụng Thánh Nghi, trước trồng vườn hoa đất vuông hai khoảnh, trong mùa Hạ phát triển đẹp xinh giống như bày gấm, sắc thái phát sáng làm loạn tâm mắt người. Sư nghe tốt lành như thế, nhiều lần lặng thân vui vẻ, bèn cất bước đến nương gá ở đó. Sư đến khắp Đài nhạc, xem đủ các Linh tướng. Mới đầu, Sư dừng lại chùa Mộc Qua ở Bắc Đài hơn hai mươi năm, một mình một bóng ở nơi lò ngói, thân mặc y phục thô xấu, trải cỏ nhục trên đất để ngồi nằm. Ngày ăn chỉ một bữa không thêm mùi vị gì khác. Nhưng ở núi ấy rất lạnh giá, rừng xanh khe hang. Từ ngoài phong lãnh thản nhiên xa sạch. Sư ban đêm đi, ban ngày ngồi tư duy, xua đuổi hôn tình, mừng cho sự gặp muộn. Trước kia, Sư tụng kinh hơn ba mươi năm, tâm miệng chẳng duyên nhau, gặp lúc nhàn rỗi thử tụng qua không sót một chữ. Bèn lại tụng văn còn lại thành pho bộ.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601 - 605) đời Tùy, có Thiên sư Tuệ

Toản kết tập định học, vai mang giường chõng ở nơi Lan-nhã thuộc sông Nhạn môn, thực hành Đạo nghiệp. Sư ở núi lâu ngày, nghĩ muốn tỏ bày nỗi lòng. Nghe phong cách nương Đạo pháp, bèn theo đồ chúng của ngài Tuệ Toản, chỉ một lược tắm gội thanh hóa, lại kính ngưỡng đạo sáng, nương theo bạn lành, đó gọi là toàn Phạm hạnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đến chùa, riêng quý trọng thiền môn, thỉnh ngài Tuệ Toản vào kinh đô. Từ đó, tăng đồ mất người chủ trương, mỗi người tự răn, tan rã về núi hang. Sư bèn đến ở núi Tỷ Can. Lại đến miền nam, trụ ở các quận Ly Thạch, Long Tuyền, Văn Thành, v.v... Bấy chúng mong ngóng, Di hạ đại đồng. Tu theo mười điều lành, tăng tục giúp nhau. Vốn ở tại bến sông ấy không thọ giới pháp. Nếu người có chí kính phụng đều đến Thái Nguyên. Di Hạ trái tình, mọi người đều khiếp sợ. Trước kia có vị sa-di đã thọ giới ba mươi năm, đến lúc Sư đến đó hành hóa liền truyền giáo pháp ấy. Hai chúng ở núi và thành đều được thọ giới cụ túc.

Đến đầu đời Đường (618) binh lính tiếp giữ Định Dương, thường gặp phải khó khăn, nhưng Bốn Nghiệp Sư vẫn không hủy bỏ, lấy đêm làm ngày, nhiếp tâm không buông lung. Gá ẩn chốn núi rừng sâu nhiều năm nên y phục cũ rách, rạn rệp nhóm tụ, Sư chẳng hề bắt vất bỏ, mặc tình cho nó cắn đốt, nương cây để điều phục. Từng có những mùa hạ an cư ở núi lấm rạn đất. Đã chẳng bắt bỏ nên chần giả đỏ như huyết đọng. Sư chỉ tự trách lỗi mình, nguyện lấy đó cùng đền đáp, tâm tình không san lặn, ngài hành thí như thế suốt hơn bốn mươi năm. Đến năm bảy mươi tuổi, bỗng nhiên không còn có chấy rạn. Sư vẫn còn rất tự trách rằng: “Nghiệp chấp không ứng liền hết, sẽ phải dẫm vào đường khổ, chịu quả báo ấy!”

Sư lại bảo môn nhân rằng: “Tôi thấy Thiên sư Siêu nương gá ở phòng kia, vốn có tường vách mà rạn chẳng dám cắn đốt Ngài. Mới chia thành hai đường đi ra và hướng vào trong các phòng khác. Lại thấy ở trong nhà cô độc ăn cơm, dùng thìa xúc lấy cổ tinh đặt ở lớp dưới mà thích ăn như thế. Lại chẳng bị bệnh gì. Cổ Chủ vô cùng sợ hãi. Đức hạnh của tôi chẳng sánh bằng Thiên sư Siêu. Vì sao như thế?” Mỗi năm cứ hai mùa xuân thu, Sư y theo pháp Phật danh, hai mùa Đông hạ, Chánh nghiệp thì giảm bớt ăn mà ngồi thiền. Sư từng phát nguyện chép Kinh Pháp Hoa, thế phải khiết tịnh. Mấy năm trở lại đây, chẳng thể hoàn thành. Bỗng nhiên cảm thấy một thư sinh không biết từ đâu đến, bảo rằng: “Tôi có thể chép kinh!” Sư yêu cầu dùng Pháp làm y cứ, và cho là có thể được. Sư bèn cho vào thạch thất lập tịnh, viết chép. Từ sáng sớm

vào đến chiều tối ra, rất lấy làm lạ hạnh ấy, chưa tròn một tuần mà bảy quyển đều viết xong. Sắp dùng lễ dâng trước mắt, bỗng nhiên biến mất. Lại gặp lúc giặc giã lục soát, Sư cất giấu dưới rừng nên hòm rương áo bặc đều bị mục nát hư hoại, mà quyển kinh sắc mẫu cũng như lúc đầu. Sư có được những sự cảm nghiệm kỳ lạ đại loại như thế.

Lại nữa, Sư thường gở nơi thất riêng, tự siêng năng tu nghiệp. Ngoài ra, tuy có chúng bạn, nhưng khó ai tiếp nối được vết tích của Sư. Sư thường bảo: “Tuổi tôi, việc như vậy làm sao có thể bỏ được? Nếu ngồi mà hôn trầm buồn ngủ thì đứng dậy lễ Phật”. Sư thường rèn luyện bốn oai nghi, lấy Đạo mà lượng cứ, tự thấy thắng đạt, ít ai có đức được như thế. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư ngồi thẳng thị tịch tại núi Bình Diêu ở Hà Tây, thọ hơn tám mươi tuổi.

Từ năm mười chín tuổi, Sư vào núi, hơn sáu mươi năm, chẳng mong cầu danh lợi, chẳng cần người hầu hạ, không lệ thuộc tăng tịch, chẳng lấy làm trách nhiệm của mình. Hễ có các thuật chức đều gởi sang người khác.

#### **8- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn, ở Cơ Châu:**

Thích Tuệ Tư, họ Quách, người ở xứ Giới Hữu thuộc Phần Châu. Thờ thiếu thời, Sư học Nho sử, ưa chuộng hư huyền, văn chương thư lệ rất nổi tiếng ở Hương khúc.

Năm hai mươi lăm tuổi, mới được truyền trao Phật pháp. Mới đầu, ngài không biết chỗ sâu kín của Phật thừa. Gặp được Sa-môn Đạo Tất là bậc đức lớn tài giỏi ở đương thời, ở tông giảng dương luận Nhiếp Đại Thừa. Sư thử đến ngậm lắng nghe, mịt mờ khó truy tìm, trải qua nhiều ngày thọ nhận đầy đủ mới biết là hy hữu. Nhân đó mà cầu được Độ thoát. Sư nghe nói yếu nghiệp xuất gia chẳng gì cao bằng thiên định, liền thực hành đó suốt ba mươi năm chẳng dứt. Lại nghe Niệm Tuệ cần phải thí như các luân kiều, Sư bèn đi khắp tìm cầu Thánh giáo, đượm nhuần đủ các Hoằng Chỉ. Mùa Đông, mùa Hạ thì chuyên nghiệp thiên định, mùa xuân mùa thu thì tham cứu rộng. Chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, khiến người trông thấy liền phát tâm. Những người có Chí Đạo luôn luôn tìm đến.

Nhân đó, mà Sư kết nhóm đồ chúng ở phía bắc Cơ Sơn, ngày thì kiểm thúc dung nghi mặc niệm, giữa đêm tối lạnh lại giảng pháp cho chúng nghe, sáu thời dốc tâm đứng khóa, chẳng rơi vào Thanh du. Bấy giờ, giảng về Tử Quán, mỗi người tự nói lên ý chí của mình. Có người

nói: “Tĩnh lược”. Có người nói: “Quá lắm”. Sư bảo rằng: “Người xuất gia sinh đã theo duyên, chết phải tự nhận lấy. Sao nhọc đến người phải nhọc đón rước hài cốt này? Tôi sẽ nhất kỳ tự chuyển vận”. Khi đó, có người cho là “chưa trải qua bệnh khổ nên mới nói lời ấy!”. Sau, cảm thấy trong mình bị bệnh nhẹ, vừa qua hai ngày. Sư tìm bảo chúng rằng: “Tôi sắp qua đời!”. và liền đứng dậy mang giày đi thẳng vào trong hang trống, để bỏ nhục thân tàn. Đã vào trong đó rồi, Sư ngồi kiết già, căn dặn đồ chúng đồng bạn, đem chánh mạng mà chúc lụy. Vì ở nơi rừng rậm nên người đời gọi đó là Hàn Lâm. Chúng không nỡ lìa bỏ, nên ở lại suốt qua đêm bên cạnh để giữ gìn, đến sáng, đến xem thì Sư vẫn ngồi thẳng khoanh tay như cũ, đến chạm vào thân, mới biết là Sư đã thị tịch, thọ năm mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường. Nhân đó mà tản liệm.

### ***9- Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tỉnh Châu:***

Thích Đạo Xước, họ Vệ, người ở xứ Vấn Thủy thuộc Tỉnh Châu. Thưở nhỏ, khi còn ở đời, Sư khiêm cung nhún nhường nổi tiếng trong xóm.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, Tông sư Di Cáo, Kinh Đại Niết Bàn là bộ kinh Sư hoằng truyền riêng, giảng hai mươi bốn biến. Sau, Sư lại phụng thờ Thiền sư Tuệ Toản, học qua không lý, chóng đượm nhuần huy tích. Ngài Tuệ Toản là bậc thanh ước nhã tố, tuệ ngộ khắp trời, Đạo vang khắp nơi, nổi tiếng ở Tấn thổ. Sư đến bảm phục thần vị, càng chữa nhóm thời gian. Sư lại tiếp thừa các nghiệp Tịnh Độ của Pháp sư Đàm Loan xưa kia, bèn đào luyện phân biệt Quyền thật, tìm kiếm Kinh luận, hiểu đó rộng thông, lưu bố thành phong hóa. Sư khắc niệm duyên số, tưởng quán sâu sáng. Nên được linh tướng ngậm nghi, mọi người mừng kính. Sư thường ở chùa Trung Huyền, hang Thạch Bích thuộc Vấn Thủy. Chùa đó do Pháp sư Đàm Loan xây dựng vào đời Tề. Trong chùa có văn bia ngài Đàm Loan, thuật rõ các điềm lành, đầy đủ như trong Biệt truyện.

Lần lượt trong năm, Sư thường giảng các pháp Ban-chu, Phương đẳng, Cửu phẩm, thập quán, Sư phân thời nối nhau các việc. Từng trong lúc hành đạo, có vị tăng đang trú trong niệm định thấy Sư duyên theo Phật, tướng lượng chuỗi châu như núi lớn bảy báu. Lại thấy linh tướng ở Tây phương sắc sỡ khó trình bày, nên đức lớn ngày một thêm, vẻ vang càng vọng xa. Các hàng Đạo tục nam nữ tìm đến đầy núi. Sư thường

giảng kinh Vô lượng Thọ quán gần hai trăm biến, dẫn ngộ tự tha, để làm nhà nuôi dưỡng thần. Văn từ đã sáng tỏ, giảng cũng hợp duyên, tùy việc dẫn dụ, người nghe không sót. Mỗi người tự nắm sâu chuỗi, miệng đồng xưng niệm danh hiệu Phật, lúc tan pháp tịch tiếng niệm vang tràn khắp hang rừng. Có người tà kiến chẳng tin muốn chống báng hủy phá, đến lúc thấy tướng lành của Sư, tự nhiên nuốt hơi mà trở về. Sư có năng lực Đạo cảm vật tình đại loại như thế.

Vào ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Sư biết vận mạng sắp hết, nên thông báo sự tướng, mọi người nghe đến đầy cả núi. Và đều trông thấy Pháp sư Đàm Loan ngồi trên thuyền bảy báu, bảo với Sư rằng: “Nhà Tịnh độ của ông đã hoàn thành, chỉ vì dư báo chưa hết!”. và thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, hoa trời rải xuống. Các hàng nam nữ đều dùng xiêm y để hứng lấy, mỏng manh trơn láng dễ thương. Lại cắm hoa sen trên đất khô bảy ngày mới héo, cho đến các tướng lành khác chẳng thể ghi hết. Nếu chẳng do hạnh cảm khắp cùng thì đâu thể thông hội như thế?

Đến năm bảy mươi tuổi, tự nhiên trong miệng Sư rằng mọc lại như cũ, hoàn toàn không khác lạ, thêm vì báo lực mạnh khỏe, dung sắc thanh phát, Sư bàn nói Tịnh nghiệp lý vị tuôn trào, từ nhĩ bao gồm súc tích, khí đượm thuần cần. Và Sư khuyên người xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc dùng các vật như đậu mè, v.v... để làm số lượng, cứ xưng niệm một danh hiệu thì để vào một hạt, cứ như thế tích chứa cả mấy trăm muôn học. Và dùng sự kết duyên, khiến cho nhiếp lự tĩnh duyên. Các hàng đạo tục ảnh hưởng sự dắt dẫn ấy, mong ngóng Đạo phong mà thành thói quen. Lại nữa, hằng năm, Sư thường đục lỗ các hạt cây loạn để làm số pháp. Dạy răn bốn chúng, Sư thường bảo họ xưng niệm, thường bày điềm lành, đầy đủ hành đồ. Sư có soạn “luận Tịnh Độ” hai quyển, nói về các ngài Long Thọ, Thế Thân. Cho đến Tăng Loan, Tuệ Viễn đều tu theo Tông Tịnh Độ, chỉ bày rõ ràng lời dạy. Văn từ ý chỉ bao gồm rõ ràng các khuôn phép hoằng hóa. Truyền đăng trong huyện Vũ, chứa nhóm nhiều năm càng đổi mới.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) kính trọng sự đào luyện bóng sáng phong thần, nghiên tinh học Quán, nên lại trình bày về tướng của Sư. Từ lúc Sư tu theo Tịnh nghiệp, lúc ngồi thường xoay mặt về hướng Tây. Sớm tối chỉ mặc một pháp phục mới sạch làm thể, nghi mạo sung mãn, khắp Tinh Châu mọi người đều suy tôn. Ánh mắt Sư sinh gió, thư nhan đất dẫn. Mỗi ngày sáu thời đốc kính, như lúc ban đầu không hề thiếu sót. Tiếp xương vãng lạy, từ thưở bình sinh đến nay chẳng dứt. Vừa có

lúc rảnh rỗi, miệng liền tụng niệm danh hiệu Phật. Mỗi ngày lấy số bảy muôn làm hạn định. Từng tiếng từng tiếng đều mở mang Tịnh nghiệp cho nên được khuôn đúc, có Thầy nhận biết dạy răn Quán Môn, Tây hành rộng lưu bố, người ấy chính là Sư.

Có Sa-môn Đạo Phũ là vị tăng nổi tiếng vốn trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô, vì lánh tiếng tăm mà tìm đến. Đã đến chùa Trung Huyền, đồng cùng hạnh nghiệp, tuyên dương mở mang Tịnh độ, do đó càng tăng thêm. Nay có kẻ biếng lười, miệng truyền Nhiếp Luận, chỉ duy tâm, chẳng niệm, duyên cảnh lại trái, lấy đó để chiêu sinh, sợ khó tiếp nối tư tưởng.

Năm nay, Sư đã tám mươi bốn tuổi mà thần khí sáng suốt, tiếp nối tông thừa còn tỏ sáng.

### ***10- Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mật Thắng ở Mật Châu:***

Thích Minh Tịnh, người xứ Mật Châu, xuất gia từ thưở thiếu thời, lấy Tam-muội, thiền định làm nghiệp, khiết chí trung kính, thuần hậu lắng trong, Sư thường ở bờ biển núi mông sơn, ngồi yên suốt mấy mươi năm, mọi người chẳng thể lường biết.

Sau, Sư đi về hướng Nam, đến các núi Đông Việt, Thiên Thai. Thiền Quán trong tâm, chẳng duyên với thói đời, y phục lam lũ, động chỉ đúng thời. Các bạn cùng tu Thiền đồng kính ngưỡng. Ở núi đến lúc lương thực đã hết. Mỗi ngày Sư vào xóm khát thực, thợ trai xong trở về, giữa đường gặp một đàn hổ đều há miệng nhắm mắt, dáng vẻ như đói lắm. Sư bảo: “Ta kinh hành qua nhiều núi đầm, không có tâm khiếp sợ hổ cạp, nay nằm xếp hàng bên đường há chẳng là vì đói ư?” Sư bèn dùng thìa múc cơm bỏ vào miệng hổ, còn dư lại thì ăn hết. Sư lại bảo rằng: “Biết đến ăn thiếu nên luôn giúp đỡ tha, thật chẳng xứng cõi lòng, rất lấy làm hổ thẹn!”. Ngày hôm sau, Sư đi khát thực, hổ cũng lại như trước. Sư thường có duyên này nên Đồng bạn lấy làm lạ về sự độ sạch của Sư.

Sau, vì ở núi sâu đất ẩm thấp, rất khổ cho thân, Sư lại trở về góc biển, ở bên cạnh núi Mông Sơn. Trong vâng theo Đạo Quán, ngoài cảm ngầm thông, khiến tiếng tăm vang xa, thần kỳ ứng hợp. Có lần gặp lúc nắng hạn, lúa mạ đều khô chết. Những người ở Dâm tự vọng cầu mưa thỉnh, tuy rất khẩn thiết chí thành nhưng không thể đạt được. Sư bảo rằng: “Hãy bãi bỏ hết các thứ cầu đảo tà vạy, riêng tôi có thể cầu mưa”. Sư liền kết trai nơi tĩnh thất. Qua bảy ngày, vào lúc sáng sớm, mây bủa

mưa tuôn, khắp nơi cao thấp đều tràn đầy, trăm dân đều được lợi, kính trọng Sư như thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, từ mùa Đông năm trước đến mùa Hạ năm sau, suốt sáu tháng không một giọt mưa. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban chiếu mời cả Đạo Giáo, Thích Giáo Sa-môn Đạo sĩ đến các miếu nơi núi chằm rừng rạch, cho đến Dâm tự thấy đều cúng tế khẩn cầu. Khi đó, khắp cả muôn dặm đều hùng hực như lửa, hoàn toàn không có ứng nghiệm. Từ triều đình cho đến thôn dã mọi người nhìn nhau thảm thương, không nơi nương cậy. Có quan Thị Lang họ Phan từng làm quan tại Mật Châu, biết Sư có khả năng cảm ứng, bèn dâng trạng văn tấu trình. Vua liền ban sắc thỉnh Sư đến kinh đô để cầu mưa. Sư bảo không cần một phí tổn gì, chỉ nguyện tinh niệm Tam Bảo, ban đức Từ cứu giúp bốn loài chúng sinh. Sau bảy ngày sẽ ban giáng cam trạch. Nếu muốn báo đáp ân đức thì khắp trong nước các chùa bỏ trống đều độ tăng đồng thời thí đặt tên gọi để mở mang Thánh Đạo. Vua ban sắc chấp thuận. Tuy không cung cấp mà riêng ban dầu thơm. Sư ở trong phòng vắng chùa Trang Nghiêm ngồi Thiền. Đến sáng sớm ngày thứ bảy, Sư hỏi người thủ vệ rằng: “Ở phía Tây bắc ngoài trời lẽ ra có cầu vồng màu trắng, hãy thử ra xem có phải như vậy không?” Theo lời Sư bảo liền trông thấy. Sư bái bảo: “Mưa sẽ đến!” chỉ chốc lát, mây bủa giăng khắp cùng, chợt mưa xuống suốt đến chiều, khắp trong nước đều đượm nhuần. Trăm Quan dâng biểu tấu trình khen ngợi công lao của Vua, còn ân đức của Sư toàn không nói đến. Mưa mới vừa tạnh, việc nông liền bày, lúa mạ tuy ra gò, lại không có cơn mưa kế tiếp nên đều héo ngả sắp chết. Không phương bày tính. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh đích thân đến chỗ Sư, thỉnh Sư trở lại cầu mưa. Sư bảo: “Việc thăng giáng của mưa phát xuất từ Vua Tôi. Minh Tịnh tôi đâu có đức gì mà dám can đáng? Trước hứa thuận mà không báo nên u hiển đều lo buồn. Nếu tu cầu thỉnh thì mưa cũng sẽ ứng đến.” Phòng Huyền Linh bèn đem việc ấy tấu trình. Vua lại chấp thuận. Vua bèn ban sắc tạm đình chỉ việc thế tục. Cả triều đình mọi người đều thọ trai. Sư lại y như trước tĩnh tọa, đến cuối ngày thứ bảy, trời lại tuôn mưa đượm nhuần như trước. Bèn thành đạt mùa màng, vua liền ban sắc độ tất cả ba ngàn vị tăng, để báo đáp ân đức của Sư. Sư có những điều ứng nghiệm khó suy nghĩ, tướng chẳng thể lường. Chỉ vì ở chốn Kinh đô ồn náo mà tánh Sư không quen, nên xin trở về chùa Mậu Thắng ở quê cũ. Ở núi, Sư buộc ràng hạnh nghiệp, chẳng biết về sau Sư thị tịch ở đâu!

Cũng ở chùa Mậu Thắng có Sa-môn Tuệ Dung cũng nhờ thiền



nghiệp mà nổi tiếng, ở núi uống ăn, chú nguyện vào nước để trị bệnh. Vua ban sắc mời Sư vào kinh đô trụ chùa Phổ Quang. Cả hai cung đều kính trọng, lễ dâng nối nhau.

### ***11- Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu:***

Thích Tuệ Hy, họ Triệu, người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu Sư xuất gia từ thuở nhỏ, khéo hiểu về Thiên vận, văn bút bóng bẩy thành chương. Sư nổi tiếng ngang với ngài Trí Vinh chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu, đều là Sa-di mà tài giỏi hơn người. Sau Sư cùng Sa-di Đạo Triệt chùa Đại Trạch ở Thành Đô liên vận Thi phú, hơi có hồng lời, nhân đó bèn lắng bật việc người đời, gá tâm vào thiền nghiệp.

Đến tuổi đang đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe giảng khắp các kinh luận, chọn lấy anh hoa để làm thường yếu. Với Nhiếp Luận, Tạp Tam, ngài tinh sư chí lý, rất ưa thích Tam Luận là sở Môn Quán. Sư từng hỏi vặn về nghĩa lý Trần Thức với Pháp sư Cơ. Mới đầu, Sư hỏi về Tiểu thừa, Pháp sư Cơ dùng Đại thừa để đáp chung. Sư bèn cười, bảo: “Đại thừa thâm nhiếp tất cả, chỉ mất Tiểu Tông”. Sau Sư đến chùa Không Tuệ ở phía Nam của Châu, lập tánh riêng lẻ, chẳng gặp gỡ đồng bạn, ăn uống kham khổ, chuyên tưởng hư huyền. Mỗi lần Sư ngồi đóng cửa hơn hai mươi ngày. Tăng chúng cho rằng Sư không ăn đã lâu, sợ chết mất thân mạng, giả lấy lời thừa mà bảo rằng: “Nước nhà đang tìm kiếm những người có khả năng tài nghệ rất gấp. Nay không ăn đóng cửa, người đời cho là Thánh, dứt bật lưu ngôn. Xin đúng thời ở trong chúng”. Sư sợ sự cãi vã, bèn mở cửa mà đến ăn. Do đó, mãi đến nay gần ba mươi năm, Sư một thân riêng lập không nuôi người hầu. Ngày ăn một bữa mà thôi, không nhận của người cúng thí. Nơi nào có giảng hội thì đến nghe. Đêm ngủ trong phòng cũ, chỉ ngồi nơi giường tâm, hai đầu trần hợp. Trong phòng chỉ một dấu chân, ngoài ra đều là rêu xanh, y phục đều thô xấu chỉ dùng để ngăn gió lạnh, mùa đông thì thêm áo nạ, mùa hạ mặc áo vải bố, qua khỏi mùa Đông cởi bỏ áo nạ, vắt trên xà nhà.

Có người nghe tiếng tăm Sư, đến phòng tham bái, rước đưa tiếp đón nhiều ngày mới thấy. Khi đó có người hỏi lời sâu sắc, lời lẽ cao xa, từng tham dự ở đầu hàng đều kính sợ. Năm ngài chín mươi tuổi Sư thị tịch. Nay hiện còn đủ mọi sự thấy nghe.

### ***12 – Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu.***

Thích Thế Du, họ Trần, người ở xứ Đài Châu. Cha mẹ Sư đều mất sớm. Sư tự làm thuê mướn để sống. Thân hình Sư khỏe mạnh to lớn, cao

tám thước ba tấc. Sư mong hưởng về Phật lý mà không do đâu để đạt được.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư đến chỗ Pháp Sư Luân chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu xin xuất gia. Ngày chỉ ăn một bữa, thực hành hạnh Đầu-đà, cần khổ liên tục. Sư lại đến Lợi Châu ở chùa Tịch Trụ. Sau đó lại đến núi Hưởng Ứng thuộc huyện Miên Trúc ở Ích Châu, ở riêng một mình nhiều năm. Có bốn con vợ cung cấp thức ăn như trái cây rừng v.v... Có Cư sĩ Mẫu Gia Sinh mạng lương thực đến dâng cúng, kinh sợ nơi rừng sâu, thường xông đốt các thức hương huân lục trầm thủy v.v... khi trở về núi, giữa đường gặp hai người, hình tướng rất khác nhau mặc y phục màu xanh, tướng mạo ít thấy ở đời, cầm hoa sen, khoai nước, mía mà đi lên, bảo là “Ta đến cung cấp cho Thiền sư ấy”. Sư ở núi ấy trong ba năm, ăn dùng gạo chỉ hết một thạch bảy đấu, mỗi ngày sáu thời hành đạo, lấy vợ khi chim thú làm bạn. Mới đầu chỉ có một dòng suối, sau có đến ba dòng suối lại tuôn chảy xuống dưới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường Sư nằm mộng thấy có bốn con rồng lại và vào trong tim mắt Sư, lúc tỉnh giấc, ngài đại ngộ tông chỉ của Tam luận. Sư bèn đến dưới pháp tòa của Pháp sư Linh Duệ, nghe giảng Từ lý rõ ràng như xưa trước, liền đó Sư thuật đáp, nhân tiện Sư đến Miên Châu trụ chùa Đại Thí.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Sùng Lạc, bảo là sắp đi phương xa. Có người dụ rằng: “Chỉ ở tại chùa này chính là các phương!”. Nhân đó, Sư trở về lại phòng cũ ở chùa Đại Thí. Có mùi hương thoảng khắp phòng. Nơi chỗ Sư ngồi vọt lên ba đồng tiền vàng. Cả chúng tìm theo mùi hương từ phòng Sư lan tỏa ra, mới thấy Sư đang ngồi kiết già trên tay còn bưng lò hương. Thứ sử Lưu Đức Oai mừng vui với điều chưa từng nghe thấy, bèn làm khám mà tôn trí nhục thân Sư ngồi vào đó, qua ba năm vẫn không nghiêng ngã. Sư thọ sáu mươi ba tuổi.

### ***13- Truyện ngài Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn:***

Thích Trí Thông, không rõ Sư là người xứ nào. Trước kia Sư trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô. Sau, Sư trụ chùa Chỉ Quán, chuyên nghe giảng Tam luận.

Sau thời nhà Trần bình yên, Sư lại qua sông đến trụ chùa An Lạc ở Dương Đô. Nghiệp lớn đã sụp đổ, Sư muốn trở về mà không có cách, bèn ẩn trong Giang Địch tụng kinh Pháp Hoa suốt bảy ngày mà không

cảm thấy đói, thường thấy bốn con hổ đi nhiều quanh đó mà thôi. Từ khi không ăn đến nay đã mười ngày, Sư bảo: “Mạng ta chỉ trong khoảnh khắc, các người cần thì hãy ăn đi!”. Hổ đáp: “Từ lúc Tạo thiên lập địa, không bao giờ có lý ấy!”. Bỗng nhiên có một ông lão tuổi chừng tám mươi, bên dưới giấu một chiếc thuyền đến bảo Sư rằng: “Sư muốn sang sông đến ở chùa Thê Hà thì có thể liền lên thuyền!” Bốn con hổ cùng một lúc trong khốc mắt lệ tuôn trào. Sư bảo: “Cứu giúp ách nạn, chính là ở hôm nay, xin hãy cùng đưa cả bốn con hổ!”. Khi ấy đến bờ phía nam rất nhanh, nhìn lại thuyền và ông lão thì không thấy đâu nữa! Sư bèn dẫn bốn con hổ đến phía Tây tháp Xá-lợi ở chùa Thê Hà, kinh hành ngồi thiền, thề chẳng nằm ngủ. Đồ chúng trong chùa có tám mươi vị chẳng ai dám ra ngoài viện. Nếu mỗi lúc có việc dữ thì một con hổ vào chùa lớn tiếng gầm gừ báo với chúng tăng, do đó mà việc báo tin lấy đó làm cách thức. Sư cho rằng ở núi rừng sâu xa lương thực khó cúng cấp, bèn hướng dẫn ba trăm Cư sĩ ở Dương Châu làm người làng xã gạo. Mỗi năm riêng đưa đến một thạch, lấy đó làm lương thực cung cấp ở núi, nên các hàng tăng tục cho đến chim thú thấy đều được cấp giúp.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường, sau khi tiểu thực, Sư đến chùa Chỉ Quán, đánh lễ ảnh tượng Đại sư, tay bưng lò hương đi đánh lễ khắp, lại đến lễ bái tháp mộ ở chùa Hưng Hoàng, rồi về lại phòng cũ, ngồi yên mà thị tịch. Có mùi hương lạ xông tỏa khắp cùng. Khắp thành quách Đan dương, các hàng tăng tục đã thọ giới với Sư có hơn ba ngàn người cùng kéo nhau đến núi, buồn khóc tiếc thương khắp cả rừng hoang. Sư thọ chín mươi chín tuổi.

**14- Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyên ở núi Cô Giới:**

Thích Tăng Triệt, họ Cận, người ở xứ Vạn Tuyên thuộc Hà Đông. Tánh Sư giữ giới trang nghiêm, chuyên nghĩ muốn xuất tục. Từ thân lúc dưng chưa được toại ý. Đã đến tuổi trưởng thành bèn vâng theo chí trước, Sư thích hạnh Lan-nhã, tìm cầu ở Bồ phản, chuyên tu Bình Đẳng quán, thực hành Pháp Thật ngôn, bốn tục quy hướng tiếp thừa, hoàng hóa Liên ấp.

Có núi Cô, còn gọi là núi Giới, là nơi đất xưa của Giới Tử Thôi. Núi đó ở phía Nam là thôn Dương giới. Sư bèn nương tựa theo mà kiết lập nghiệp. Lấy hang đá làm nơi che chỗ, múc dùng nước ở chỗ trũng sâu, nhiều năm kính thờ Đạo, đối với chúng sinh đều đề cao. Mỗi người

tự xả thí của cải sức lực để cùng nhau tạo dựng cơ đồ. Đất ở đó vốn cao xa hiểm trở, từ xưa không hề có nguồn suối, Sư nghĩ trong sự nhọc mệt có sự thối kết nên sáng sớm bèn đi lên trên đỉnh non cao hiểm trở thấy như có nước thấm ướt, bèn dùng mũi nhọn dẫn thì ứng theo tay Sư mà dòng suối tuôn chảy. Các hàng tăng tục nghe thế kinh hãi khen ngợi nường theo. Sư lại mở rộng chỗ ở, xây dựng thêm phòng nhà. Thứ sử Tần Châu là Phòng Nhân Dụ dâng tấu biểu văn trình bày việc ấy, xây dựng ngôi Già-lam. Vua ban sắc chấp thuận. Nay tức là chùa Hãm Tuyền.

Các hàng Công tử vui mừng thỉnh Sư về làm chủ chùa. Nường theo vật mà bàn, Sư bèn theo đó. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương cùng nhau đóai hoài nường tựa đến nơi cửa nhà rất đông. Đến lúc Từ Vương Bộ Giáng thì chùa lại thuộc về đó. Xe lọng lại tìm thỉnh Sư về ở châu ấp, dốc lòng kính lễ, hậu cúng càng lớn. Không bao lâu về lại núi, kính sùng Đạo nghiệp trước. Tánh Sư luôn tỏ nhân từ, mở mang cứu giúp thành việc chính. Do đó, đàn chim đến ăn trên tay Sư, đêm về nhận liệng quanh dưới mái hiên. Tuổi vượt qua Trương Quốc mà không hề tật bệnh. Bỗng nhiên Sư bảo với tăng chúng rằng: “Tôi sắp đi!” Thọ trai xong, Sư thân y pháp, ngồi kiết già, nhìn khắp đồ chúng, dùng lời thanh tịnh trong sáng mà dạy răn. Xong rồi, Sư bảo tất cả đều ra khỏi phòng, chỉ để lại một người hầu. Sư bảo: “Phàm thần thức gá vào thân, nường vào đó mà có hơi ấm. Đến lúc mạng dứt thân lạnh mới được xúc chạm đến tôi!”. Dặn bảo xong, Sư nhắm mắt như nhập định. Lâu sau đến xem mới biết là Sư đã tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Trước lúc Sư chưa tịch suốt ba buổi sáng, cây rừng đều biến thành màu trắng, mây bủa giăng như ngăn che, bật dứt không thấy được Đông Tây. Các hàng tăng tục đua nhau kéo đến, thực hành lễ tâm tang, dời đến hang Linh sơn, lại y như ngồi. Các hàng phủ huyện quan thứ đều cùng nhóm họp. Ngày đó gió trong cảnh sáng, hoa trắng tung rải, sáu lần phát ra ánh sáng sạch như tuyết băng, lấy y tiếp thừa thì chẳng bao lâu liền tan. Sau ba năm Nhục thân Sư vẫn ngồi như lúc ban đầu. Môn nhân thay đổi chiếu, y phục Sư không một chỗ thấm mực, bèn sơn phết thêm. Các hàng đệ tử nghĩ nhớ giáo nghĩa nằm nghiêng hông bên phải trong rừng Song lâm, ôm hoài lời ca hai cột đối mang tay, lấy đó làm tướng tốt thiết lập tượng, khai mở sự tôn nghiêm của hàm thức. Pháp tuệ lời sáng thật là bến bờ cứu giúp để siêu sinh. Bèn đến kinh ấp, phụng kính xây dựng Bia C ao, cao một trượng năm thước, khắc họa tôn tượng, viết chép kinh và ghi lại ngôn hạnh, dẫn trở lại bốn tự nhóm chúng cùng

dựng lập. Độ Chi Thượng Thư Đường Lâm, xưa trụ tại Vạn Tuyền khen ngợi tiếp thừa việc thế tục. Tánh hạnh chuyên kính tin, vốn kính thờ quy y. Sau ra làm Quan ở Hoa Tĩnh, thường tu cúng dường, đoái hoài chỉ gốc Đức, bèn khắc bia minh, v.v...

***Thử Luận Bàn:***

Trong Kinh chẳng đó ư? Thiên Trí đều vâng, niệm tuệ cùng phát. Thân đi trong giác quán, chiêu cảm tiếp nhanh. Vì sao biết như vậy? Chỉ do cõi Dục loạn thiện, tánh cùng cực ở sáu tầng trời. Sắc có Định nghiệp, thể bít Bát Địa thông làm thế kết, ưa thích mùi vị chẳng khác. Không gì chẳng phải Tập Để trọng khinh nên được quả báo vui khổ, rốt cuộc phải luân hồi trong các cõi, không thể nói chắc chắn được siêu sinh. Vả lại, y cứ vào hai duyên Loạn và Tĩnh, nên lược chia thành hai ngôi vị ấy. Nhưng Thánh hiền trong ba thừa cho đến các đường trong sáu tà cùng muốn nhằm chán phiền não, gá nghỉ tâm lự, không ai chẳng y cứ nơi Sơ Định. Vì tâm có khác ở Thô và Diệu, tuệ khai mở thông cực, bèn có tất cả, nhờ một địa vị đó mà được kéo dài căn cơ của Tà Chánh.

Từ khi Phật giáo truyền bá đến phương Đông, người tâm học rất ít. Mãi đến đời Tấn, mới nghe có Duệ Công, nên lời tựa trong đó đề rằng: “Tuệ lý tuy ít, nhưng đủ để mở thần đạt mạng. Thiên Pháp chưa truyền, còn như nhiếp duyên buộc tưởng, không chốn gởi gắm tâm. Bấy giờ, phiên dịch Đại luận có trải qua thiên môn, nhân vì Tâm cầu mở rộng hạnh chuyên ấy, nên ngài Đồng Thọ (Cưu-ma-la-thập) mở mang sự rộng thí đó, bèn phiên dịch ra các Kinh Thiên Pháp yếu giải, v.v... Từ đó trở về sau noi theo càng nhiều, các Sa-môn Đàm Ảnh, Đạo Dung giữa mài tinh tấn ở Hoài Bắc, các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Quán siêng năng tâm chí ở Giang Đông. Nương gá núi rừng, nhóm kết đồ chúng thì có Sa-môn Tuệ Viễn nêu tông. Riêng đến cô chinh thì chư tăng có nhiều hiển dị. Tuy là truyện của nhiếp tâm, nhưng bấy giờ hoặc có sót lời, mà đều tích chứa phương nghi, lại mở chánh cấp, không thể lấy làm lạ!

Mãi đến thời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương mới mở rộng Định môn, tìm nêu trong nước có những vị tâm học, tất cả nhóm họp đến Dương Đô, xét lường sâu cạn tự làm thành Bộ loại. Lại ở Chung Dương, hai nơi trên dưới đều xây dựng Định Lâm, khiến các Đồng bạn tức tâm nương gá nhàn cư mà tổng tập. Bấy giờ, Phật pháp giáo hóa tuy hưng thịnh, nhưng phần nhiều là biện tuệ, văn từ bén nhọn,

sở chỉ như sóng nổi lẫn lướt nhau, còn như nêu dẫn hoàn toàn không tính toán. Có thể nói là luống có Danh nêu cử, hoàn toàn thiếu sự thật của trực tâm, tin được vậy ư?

Hoặc có người hỏi rằng: “Đức Đại Thánh lập ra chánh giáo, ở đầu thời Chánh Pháp, tượng pháp thì Pháp Thiền lưu hành rộng, nghĩa đáng tu tập. Hiện nay chẳng phải thời kỳ ấy, bật dứt sự nảy nở tiếp nối, thứ lớp chẳng thường, nên gọi là Mạt Pháp. Bèn vâng theo hạnh giới. Ấy là cùng cực?”

Xin trình bày đó. Nhân vì lời tựa nói rằng: Vốn lập bày chánh pháp, tượng pháp trùm khắp các cơ duyên, còn như đối với người chuyên Đạo thì không thời nào chẳng khế hợp. Nhưng vì trong giáo điển rộng nêu hai hạng người tin Pháp. Thật là do các căn lợi độn, do đó, mà đến thời phân vị. Nếu trở về với nguồn cội, thể nhận được Đạo sâu, nhằm chán các Hữu Học, đức ngang bằng với Phật ra đời nên một ngàn năm đầu là Chánh Pháp, tức là hội với Chánh thành Thánh, cơ ngộ chẳng khác. Tiếp đến một ngàn năm thứ hai y cứ vào giáo để tu học, tình gieo tiếm độn, hội lý chẳng phải giai vị. Nhiếp tinh trú trì có phần thông với Tánh chỉ, nhưng đối với Tuệ Thích, thì chưa tu sáng lắm, tương tự với dòng Đạo nên gọi là Tượng giáo vậy. Đến sau một ngàn năm thứ ba, là nền tảng đầu tiên của Mạt Pháp. Cho đến một vạn năm, thì lìa đạo Định Tuệ, chỉ mở mang luật thế gian. Tượng oai nghi nhiếp hộ đồng với dấu vết thiền, nhưng tâm dùng phù động hoàn toàn trái với Chánh Thọ, cho nên đều xem đó là Mạt Pháp, theo Luật Thiện Kiến thì Mạt pháp có mười ngàn năm. Hộ trì tiếp nối mở mang ở đời, vết tích đáng ghi chép. Nếu y theo ma tà, thời qua ngàn năm, chẳng tu Tĩnh Quán, là chẳng phải thông luận. Ước Tượng hai đầu mối thì mâu thuẫn trái với dấu vết, y cứ Duyên mà Phán giáo thì mỗi giáo đều có chỗ tốt cùng của nó. Còn như tình đời phiền nhiễu, người hiển bày sắc sảo kỳ đặc thì mới dạy nhiếp trì, đều đắm trước mê mờ. Bởi do huân tập đã lâu xa, Tông tượng khó thường, ngay trước mắt dễ quán, chưa vội vàng theo Thất giáo, Thiện Kiến mười ngàn năm cũng là khuôn phép sáng. Y cứ theo nghĩa pháp tu đủ thì nghĩa không chẳng thật có. nên trong lời tựa của luận nói rằng: “Năm ngàn năm đầu chứng đắc ba Đạt trí, sau năm ngàn năm chỉ vâng theo giới pháp. Trước y cứ Đạo Pháp dùng Lý Quán mà trụ trì, nên gọi là Nhập Thánh. Lường xét có theo vậy. Sau tại Sự loạn, Tượng Pháp Trụ Trì, làm sao nhập Đạo, nên nói như vậy. Nếu nước tâm gợn sóng thì nghiệp đời khó thành. Lắng tưởng lìa duyên thì lý tự hiển bày trong lắng. Niết-bàn tiếp nối Định, há chẳng phải như vậy ư! Nên

khiến những người ngồi yên trong xóm làng thì Thần Tiên đến chệch bai, giữa rừng trống mà nằm ngủ thì các Thánh đều khen ngợi. Thật gá tĩnh cầu tâm thì tâm dễ nhiếp, nhờ nhiếp tâm nên được giải thoát!

Trong luận Thành Thật có nói, đó có thể bắt chước theo. Ở đời có hạng Định Học vọng truyền Phong giáo, bị ràng buộc bởi tục nhiễm, lẫn lộn xem thường nghi tích. Ngay nơi sắc mà rõ không, đã bàn đó ở tâm miệng. Thể nhận được Loạn mà Tĩnh, thì thân có lụy. Thần dụng chìm đắm nơi từ lệnh, Định tướng mục rữa ở môi mép. Bài bác Tiểu thừa Đại thừa, riêng dựng lập một nhà, nhiếp giúp trú trì, ở nơi trái hẹp. Truyện trước trong lời tựa của Luận Đại Trí Độ có nói đầy đủ rõ ràng. Khoảng lâu đến nay, y cứ càng đông nhiều. há chẳng phải vì sức kém, lại thêm quên Đạo. Thần mau dứt lụy ở quê nhà? Do đó, gá tĩnh dừng tâm, các sách đều truyền linh dị ấy, chỗ rậm rĩ nhiếp lụy, xưa nay chưa bày sự cảm thông, tin đáng nương theo. Ở thời Bắc Tề tại Hà Bắc chỉ có Sa-môn Tăng Điều riêng thanh. Thời Bắc Chu ở Quan Trung chỉ có Sa-môn Tăng Thật tôn vinh. Báu trọng quán phương giá được lắng an. Thần Đạo thông suốt, chế phục gương ngự. Đến nỗi khiến vua Tuyên Đế mang vác dốc hết phủ tạng ở ngài Vân Môn. Trùng Tể giáng thêm triển bày quy tâm nơi chùa Phước. Thật là có ý đồ. Cho nên khiến Vươn Định ở Trung Nguyên phân mở cương lãnh. Chỉ hai Hiền giả này tiếp gót truyền Đăng, giáo hóa chẳng dứt, mà lại giã từ rừng hoang về ở thiên môn. Đó là cày vết trước của Đại Ấn, bỏ chí cao của Vô duyên, cuối cùng gá thân ở Long Tự. Cho nên thuộc về Hành tàng hữu nghi ư?

Có Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma là bậc Thần hóa cư Tông, mở mang dẫn dắt ở Giang Lạc. “Đại thừa Bích Quán”, công phu Đạo nghiệp rất cao. Các hàng cầu học ở đời, quy hướng kính ngưỡng rất đông, nhưng lời tụng khó cùng cực, tinh cần giữa mài khắp thiếu, xét kính mến khuôn phép ấy, trừ sạch giữ chí. Quán sát sự Lập ngôn đó thì chỗ y cứ của tội phước cả hai đều xả. Rõ đó Chân Tục giúp sức lẫn nhau. Hai vầng lười Đế-thích chẳng ràng buộc được Không Hữu. Ái Kiến chẳng thể dắt dẫn, lắng tâm lụy trừ tính, cho nên dứt bật lời ư? Nhưng quán xét hai tông tức hai khuôn phép của Thừa. Ngài Tăng Điều thì ôm hoài Niệm xứ khuôn phép lắng sạch đáng tôn sùng. Pháp ngài Đạt-ma là Hư tông, Huyền chỉ sâu mầu. Đáng tôn sùng thì tình sự dễ hiển bày. Sâu mầu thì lý tánh khó thông. Do đó, vật được từ nôm, ban đầu thì đồng với vạch tẩy. Còn như tâm dụng thì ngưng nghẽn, chỉ phiền phức đến cả bọn. Sai khó trình bày. nghĩa đáng kính xa. Đào luyện sửa trị mới có thể gặp lúc. Thập Trụ La Cốc che lấp địa vị đó. Hạng kiến thức hẹp cạn, là bọn lưu tình.

Sáng vào thiền môn, tối mở mang phương thuật ấy, cùng cho truyền nói nghĩa là đều tự cùng nguồn. Thần Đạo mịt mờ ai rõ thông bát. Vậy nên biết, chỗ đến của tâm lực, chỗ mưu đồ của trí thức, không gì chẳng là vọng cảnh đối hoặc tâm. Đó chẳng thể trở lại soi chiếu. Sóng thức ấy chấp cảnh duyên tâm. Lắng sóng kinh hải sinh nhiều Định Chương, tức là chỗ biết của công dụng Định Lực. Ngoài làm sáng tỏ thuyết ấy, chóng khinh mạn kíp mê hoặc. Cho nên chưa rảnh để trị chướng. Ta trái ngược thường hành, chỗ trì tông của năng lực kia là chánh nghiệp. Chân vọng làm mê nhau, rốt cuộc khó thông hiểu. Nếu biết Duy tâm, thì vọng cảnh chẳng kết. Trái lại chấp cảnh trước thì chẳng phải sở hành của tâm. Luống không như thế, thì đâu thể luận Đạo?

Ở đời Trần có Sa-môn Trí Thôi, Sư là người kính ngưỡng Đại sư Tuệ Tư. Ngài Tuệ Tư thật là bậc sâu hiểu Huyền Vi, hạnh đức khó lường. Ngài Trí Thôi cũng rất có tâm gần gũi Định, tiếng tăm vang khắp giữa trời. Đến nỗi khiến vua chúa nhà Trần đều lãnh thọ Quy giới, vang tiếng đến Nam Đô, nhưng được mở mang rộng lớn, mất ở mặt đối trị. Sư rất được kính ngưỡng ở đời chẳng có ai hơn. Sư hội yết Hành nhạc, mới trình bày các lỗi, chưa kịp dứt trừ liền thị tịch. Đến thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) nhà Tùy dựng lập cơ nghiệp, riêng Tông Định Môn, hạ chiếu trình bày việc ấy, đầy đủ như trong Biệt truyện. Ở phía Tây Nam của Kinh Ấp, có xây dựng chùa Thiên Định, nêu mời khắp bốn biển, trăm ty cung cấp, các bậc Danh tăng cao đức đều lớn tuổi. Đến lúc qua đời không vị nào chẳng ngồi mà thị tịch. Mọi sự đều được tấu trình đầy đủ, Vua càng gấp bội quy y. Trải qua ba đời Vua đời Tùy đều xây dựng chùa. Mới đầu chiếu ban tìm rộng, cuối cùng là tạp Giảng đồ, cho nên không lấy. Ở thời ấy có Sa-môn Trí Khải cũng là vị Thiền sư được trọng vọng, điều chỉ biện giải sắc bén không ai chẳng rơi mác. Sự tượng ở chốn Thiên đình, vẻ vang khắp cùng triều liệt, không thể xem thường!

Đến như ngài Tuệ Siêu vĩ vượt sâu hổ, ngài Đạo Thuấn quán bóng trâu, ngài Trí thông cảm hiện kỳ tướng, ngài Tăng Định chế phục giặc dữ. Tiết tháo như sắt đá, khí khái đồng mây xanh, đầy đủ rõ ràng ở Truyện sau, thấy đều tốt đẹp. Lại như Thiền chủ Tuệ Toàn, còn mến chuộng hạnh Đầu-đà, hành hóa ở Tấn Triệu. Sâm cửa đông đầy, phỏng nghĩ oai nghi chẳng vượt Luật tông. Thần giải suốt thông, làm chỗ nương cho pháp. Nên được sự lý phù hợp, xứng với khuôn phép thường. đạo có thanh suy, hẳn vì thời mất. Cho nên mời đến kinh đô, khi thị tịch trở về chốn cũ. Khoảng thời gian ấy, có Sa-môn Chí Siêu kế thừa ngài Tuệ



Toản, giúp tán đức hạnh bèn vượt qua khuôn phép trước, mẫu mực dạy răn, chìm đắm đầu mối. Cho nên sau khi ngài Chí Siêu thị tịch thì đạo phong ấy suy sụp.

Quán xét về hai cấp Tuệ Định, thì mỗi cấp tự bày khí khái của mình, đều đồng như mặt trời Phật, không hề chống đối, nhưng với điểm tốt lành thì nhiều lần dự thắm chưa được như vậy. Tức ở đời yên vui Thiên Tiên đều hộ vệ, thật kết quy Định học bởi khó đoạt mất. khoảng đời Định Sĩ phần nhiều tước bỏ nghĩa môn, hễ nghe được Đạo thì liền nương học, không hề nghĩ chọn, thuộc hiểu rõ kinh. Mỗi duyên cùng cực, ý chỉ phần nhiều khuyết thiếu tiếng tăm, nói lời chê trách thường rất nhiều. Hoặc là đắm trước Thế định cho là thực hành Chân Không. Tụng niệm Tây Phương, với mục đích diệt hoặc, cổ đeo râu chuỗi, loạn bảm mà xưng là Thiên số, mặc áo nạp khát thực, tất cả đều cho là tâm Đạo. Lại có người nương gá điện đường, nhiều quanh rất mực chí thành. Tà ngưỡng an hành, vẫn còn khúc kể, chấp cho là đúng, còn các pháp học khác đều là sai. Bể này tưởng chẳng phát ra tiếng rào rào ai hay, đều là giới thủ và kiến thủ. Chánh sử hiện hành, đắp thêm chẳng trừ, tăng thêm ngu lỗ. Vừa như cất lưới đời, mới bắt đầu tham dự Pháp Môn, rộng nghe kinh luận, rõ suốt giới tuệ, sau đó quy thần nhiếp lự, gá chuẩn Thánh ngôn. Động thì theo giới răn tu, tĩnh thì chẳng quên trí trước. Phải là nhân pháp hai kiếng, chân tục bốn y. Đạt Trí chưa biết, đâu còn vọng thức? Tu Định như thế chẳng phải Trí chẳng phải Thiền, thì non Hành bờ Đồi quạt lên ngọn gió ấy. lại có hạng cùng mê đồng tốt, nhóm kết sơn môn, Trì Phạm mật mờ, động mang lưới hình, chuyển vận cân nhận, chẳng lánh chủng sinh, nóng bùng uống ăn, đầu hổ thẹn xúc chạm. Lại có hạng lập tánh cứng rắn mạnh mẽ, chí chuộng Hạ lưu. Bận lành chẳng tìm, kinh chánh ít tụng. Vừa nghe một câu là cho là Tư Nam xưng lời, Ngũ trụ nghiêng lâu, Thập Địa sắp mãn. Pháp tánh sớm thấy, Phật trí đã rõ. Đó đều là y cứ vào cảnh mà trụ tâm, vọng lời lắng sạch. Trở lại duyên tâm trụ, gá tướng mà chuyển tâm, chẳng rõ tâm đời đổi nên cứ rỗng gá. Sinh tâm niệm tịnh đâu hội chân được. Nên trong kinh trình bày tâm tướng vùn vụt thúc giục chẳng ngừng, lưới răn lửa dữ, ở núi tuôn nước. Niệm niệm sinh diệt, biến chuyển thường mới. Chẳng biết loạn niệm, cứ có tâm chấp. Tướng mạng Thiền tông chưa rõ chữ Thiền, hạng người như thế số lượng rất nhiều, làm cho giảng đồ bày khinh loại ấy. Nên ở đời có ngạn ngữ rằng: “Ông già không biết, Thiền sư nghĩa chỉ. Ngu phu loạn thức cùng quy minh đức”. Trái với mê đều có Đại chiếu, tùy vọng khắp che, chân khoa chẳng nghĩ, lời đó cùng

bàn về Danh Thật. Lão phu chuyên hành Định tuệ, xét ở Quán Môn, các luận chỗ trình bày đều làm minh chứng. Thông suốt đến cùng, thì là công phu Định Học lia loạn, nghiệp thấy hoặc thì Tuệ sáng. Nên hai vòng xe trải qua, ngang bằng đồng với chân tục. Do đó tư duy xa động đến gió trong lành. Điều thật nêu ở Hoa vọng. Để lại về sau, cậy nơi nguồn ấy có thể tìm. Đó đều là chỗ đồng ghi chép của người xưa. Há là rỗng hư không ư!

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN  
(Quyển 20 hết)